

Biểu 01/CH

HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024 CỦA THÀNH PHỐ UÔNG BÍ- TỈNH QUẢNG NINH

Đơn vị tính: ha

STT	Chi tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Phân theo đơn vị hành chính cấp xã									
					Bắc Sơn	Nam Khê	Phương Đông	Phương Nam	Quang Trung	Thanh Sơn	Trung Vương	Vàng Danh	Yên Thanh	Thượng Yên Công
(1)	(2)	(3)	(4)= (6)+...(15)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
	Tổng diện tích		25.679,63	100,00	2.839,53	743,83	2.394,06	2.180,38	1.377,76	965,53	1.516,95	5.438,69	1.473,83	6.749,07
1.00	Đất nông nghiệp	NNP	19.795,35	77,09	2.528,89	495,11	1.865,48	1.116,23	789,68	686,93	941,80	4.424,90	843,45	6.102,86
1.1	Đất trồng lúa	LUA	1.408,96	5,49	42,38	108,04	293,70	322,97	52,65	13,92	171,68	58,99	116,11	228,53
1.1.1	Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	880,12	3,43	21,67	108,04	135,10	129,14	22,89	12,02	81,28	47,92	114,88	207,18
1.1.2	Đất trồng lúa nước còn lại	LUK	528,84	2,06	20,70		158,60	193,83	29,76	1,90	90,40	11,08	1,23	21,35
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	233,98	0,91	25,96	5,53	93,19	1,84	23,79	4,38	3,67	14,03	61,59	
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	2.403,58	9,36	236,42	92,22	391,41	544,59	143,23	265,80	67,21	153,23	95,29	414,17
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD	2.338,43	9,11			83,44							2.255,00
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH	2.478,77	9,65	1.078,73		206,23	0,29			52,80	707,63	60,81	372,30
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	9.376,76	36,51	1.141,54	277,34	687,85	19,79	429,08	385,99	115,28	3.489,97		2.829,91
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	<i>3.297,01</i>	<i>12,84</i>	<i>148,25</i>		<i>79,08</i>	<i>20,72</i>				<i>310,35</i>		<i>2.738,61</i>
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	1.528,23	5,95	1,87	10,37	97,42	226,48	140,93	9,65	531,17	1,05	509,29	
1.8	Đất chăn nuôi tập chung	CNT												
1.9	Đất làm muối	LMU												
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH	26,63	0,10	2,00	1,61	12,24	0,28		7,18			0,37	2,95
2.	Đất phi nông nghiệp	PNN	5.366,86	20,90	273,50	245,48	496,16	1.015,25	570,19	275,60	573,86	677,25	628,75	610,84
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	52,81	0,21										52,81
2.2.	Đất ở tại đô thị	ODT	655,16	2,55	43,83	31,54	65,30	78,05	109,11	91,90	82,06	82,82	70,54	
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	20,21	0,08	0,97	0,48	6,24	1,36	0,62	4,52	0,97	0,84	2,46	1,76
2.4	Đất quốc phòng	CQP	168,51	0,66	0,03	131,44	19,30	11,90	0,72		4,53	0,02		0,57
2.5	Đất an ninh	CAN	85,82	0,33	0,06	0,05	0,52	83,55	0,05	0,03	0,34	0,06	0,99	0,17
2.6	Đất công trình sự nghiệp	DSN	129,65	0,51	4,27	21,03	23,23	6,63	14,32	28,09	9,48	7,81	8,12	6,66
2.6.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	15,69	0,06	1,38	0,91	1,61	1,74	2,17	1,73	1,42	2,24	1,06	1,43
2.6.2	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	1,52	0,01		1,52								
2.6.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	13,15	0,05	0,05	0,21	0,07	0,26	0,14	10,83	0,34	0,93	0,13	0,18
2.6.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục	DGD	82,93	0,32	2,83	18,40	20,70	3,61	7,73	14,82	5,28	3,58	3,64	2,34
2.6.5	Đất xây dựng cơ sở thể thao	DTT	16,08	0,06			0,85	1,02	4,00	0,70	2,44	1,06	3,29	2,71
2.6.6	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH	0,28	0,00					0,28					

Biểu 01/CH

HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024 CỦA THÀNH PHỐ UÔNG BÍ- TỈNH QUẢNG NINH

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Phân theo đơn vị hành chính cấp xã									
					Bắc Sơn	Nam Khê	Phương Đông	Phương Nam	Quang Trung	Thanh Sơn	Trung Vương	Vàng Danh	Yên Thanh	Thượng Yên Công
2.6.7	Đất cơ sở môi trường	DMT												
2.6.8	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn	DKT												
2.6.9	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG												
2.6.10	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK												
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	1.266,61	5,02	80,81	4,80	69,22	269,29	121,37	38,77	57,62	415,15	15,68	193,87
2.7.1	Đất khu công nghiệp	SKK												
2.7.2	Đất cụm công nghiệp	SKN	62,65	0,24				62,65						
2.7.3.	Đất khu công nghệ thông tin tập chung	SCT												
2.7.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	31,23	0,13		0,78		3,29	7,72	2,24	10,23	0,52	4,77	1,69
2.7.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	360,82	1,41	37,21	4,02	30,59	123,10	78,27	9,14	41,85	20,24	10,91	5,49
2.7.6	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	811,91	3,24	43,61		38,63	80,25	35,38	27,40	5,54	394,40		186,69
2.8.	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	1.440,05	5,00	91,93	41,44	148,22	192,89	150,15	71,01	223,80	92,07	162,87	265,67
2.8.1	Đất công trình giao thông	DGT	1.111,64	3,72	44,08	30,94	128,03	165,49	102,06	67,39	128,08	85,68	153,67	206,21
2.8.2	Đất công trình thủy lợi	DTL	86,84	0,34	2,32	5,78	17,51	25,71	3,76	2,39	4,47	3,47	4,96	16,46
2.8.3	Đất công trình cấp, thoát nước	DCT												
2.8.4.	Đất công trình phòng chống thiên tai	DPC												
2.8.5.	Đất có di tích lịch sử-văn hoá danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	26,26	0,10				0,05			0,11			26,10
2.8.6	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	26,19	0,10	13,83							0,43		11,92
2.8.7.	Đất công trình năng lượng- chiếu sáng công cộng	DNL	158,68	0,62	31,17	0,03	0,46	0,35	39,13	0,41	82,39	0,23		4,52
2.8.8.	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	0,46	0,00	0,01	0,01	0,18		0,17		0,03	0,04		0,01
2.8.9.	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	7,53	0,03	0,06	0,41	0,55	0,64	2,94	0,35	0,42	0,48	1,24	0,44
2.8.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	22,45	0,09	0,46	4,27	1,49	0,64	2,09	0,47	8,30	1,74	3,00	
2.9	Đất tôn giáo	TON	43,04	0,17	1,87	0,10	3,48	0,29	16,75	7,11	0,86	0,22	0,30	12,06
2.10	Đất tín ngưỡng	TIN	14,06	0,05			0,04	0,07	0,16			0,02	0,23	13,55
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hoá táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	NTD	89,80	0,35	2,66	3,79	30,39	5,80	9,73	10,11	9,87	3,88	5,53	8,04
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	1.384,42	5,39	46,53	10,82	124,82	357,32	147,11	24,05	182,89	74,35	360,84	55,69
2.12.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá.	MNC	216,56	0,84	3,28	2,67	74,30	18,86	48,41	9,06	26,34	4,16	26,49	2,98

Biểu 01/CH

HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024 CỦA THÀNH PHỐ UÔNG BÍ- TỈNH QUẢNG NINH

Đơn vị tính: ha

STT	Chi tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Phân theo đơn vị hành chính cấp xã									
					Bắc Sơn	Nam Khê	Phương Đông	Phương Nam	Quang Trung	Thanh Sơn	Trung Vương	Vàng Danh	Yên Thanh	Thượng Yên Công
2.12.2.	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1.167,85	4,55	43,25	8,14	50,52	338,47	98,69	14,99	156,55	70,19	334,34	52,71
2.13.	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	16,74	0,07	0,53		5,39	8,09	0,09		1,43	0,01	1,20	
3	Đất chưa sử dụng	CSD	517,42	2,01	37,14	3,24	32,43	48,90	17,89	2,99	1,29	336,54	1,62	35,37
	<i>Trong đó:</i>													
3.1	Đất bằng chưa sử dụng	BCS	109,76		37,14	3,24	28,15	4,92	17,89	2,99	1,29	8,26	1,62	4,25
3.2	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS	355,93									328,28		27,65
3.2	Núi đá không có rừng cây	NCS	51,72				4,28	43,98						3,47
3.4	Đất có mặt nước chưa sử dụng	MCS												
4	Đất khu công nghệ cao*													

Ghi chú: Đất khu công nghệ cao không cộng vào tổng diện tích tự nhiên

BIÊN ĐỘNG SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023-2024 CỦA THÀNH PHỐ UÔNG BÍ

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích năm 2023	Diện tích năm 2024	
				Diện tích (ha)	Tăng (+) Giảm (-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)
1	Nhóm đất nông nghiệp	NNP	19.953,00	19.795,35	-157,65
1.1	Đất trồng lúa	LUA	1.455,59	1.408,96	-46,63
1.1.1	Đất chuyên trồng lúa	LUC	899,49	880,12	-19,37
1.1.2	Đất trồng lúa còn lại	LUK	556,10	528,84	-27,26
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK	235,73	233,98	-1,75
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	2.434,60	2.403,58	-31,02
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD	2.338,43	2.338,43	0,00
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH	2.479,62	2.478,77	-0,85
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	9.405,67	9.376,76	-28,91
	<i>Trong đó: Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	<i>3.297,01</i>	<i>3.297,01</i>	<i>0,00</i>
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	1.579,68	1.528,23	-51,45
1.8	Đất chăn nuôi tập trung	CNT			
1.9	Đất làm muối	LMU			
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH	23,68	26,63	2,95
2	Nhóm đất phi nông nghiệp	PNN	5.204,57	5.366,86	162,29
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	52,61	52,81	0,20
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	653,27	655,16	1,89
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	20,21	20,21	0,00
2.4	Đất quốc phòng	CQP	168,51	168,51	0,00
2.5	Đất an ninh	CAN	85,65	85,82	0,17
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	129,87	129,65	-0,22
2.6.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	15,68	15,69	0,01
2.6.2	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH	1,52	1,52	0,00
2.6.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	13,15	13,15	0,00
2.6.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	83,16	82,93	-0,23
2.6.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	16,08	16,08	0,00
2.6.6	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH	0,28	0,28	0,00
2.6.7	Đất xây dựng cơ sở môi trường	DMT			
2.6.8	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn	DKT			
2.6.9	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG			
2.6.10	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK			
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	1.237,70	1.266,61	28,91
2.7.1	Đất khu công nghiệp	SKK			
2.7.2	Đất cụm công nghiệp	SKN	62,65	62,65	0,00
2.7.3	Đất khu công nghệ thông tin tập trung	SCT			
2.7.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	31,23	31,23	0,00
2.7.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	357,49	360,82	3,33
2.7.6	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	786,33	811,91	25,58
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	1.294,90	1.440,05	145,15
2.8.1	Đất công trình giao thông	DGT	961,42	1.111,64	150,22
2.8.2	Đất công trình thủy lợi	DTL	91,91	86,84	-5,07
2.8.3	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT			
2.8.4	Đất công trình phòng, chống thiên tai	DPC			

BIÊN ĐỘNG SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023-2024 CỦA THÀNH PHỐ UÔNG BÍ

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích năm 2023	Diện tích năm 2024	
				Diện tích (ha)	Tăng (+) Giảm (-)
2.8.5	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	26,26	26,26	0,00
2.8.6	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	26,19	26,19	0,00
2.8.7	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	158,68	158,68	0,00
2.8.8	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	0,46	0,46	0,00
2.8.9	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	7,53	7,53	0,00
2.8.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	22,45	22,45	0,00
2.9	Đất tôn giáo	TON	43,04	43,04	0,00
2.10	Đất tín ngưỡng	TIN	14,06	14,06	0,00
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	NTD	89,89	89,80	-0,09
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	1.398,10	1.384,42	-13,68
2.12.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC	216,56	216,56	0,00
2.12.2	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1.181,54	1.167,85	-13,69
2.13	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	16,74	16,74	0,00
3	Nhóm đất chưa sử dụng	CSD	522,06	517,42	-4,64
	Trong đó:				0,00
3.1	Đất bằng chưa sử dụng	BCS	114,40	109,76	-4,64
3.2	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS	355,93	355,93	0,00
3.3	Núi đá không có rừng cây	NCS	51,72	51,72	0,00
3.4	Đất có mặt nước chưa sử dụng	MCS			
4	Đất sử dụng cho khu công nghệ cao *				

Biểu 04/CH

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024
CỦA THÀNH PHỐ UÔNG BÍ - TỈNH QUẢNG NINH**

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Năm hiện trạng 2023 (ha)	Diện tích được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện (2024)			Diện tích kế hoạch chưa thực hiện (ha)		
					Diện tích (ha)	Trong đó:		Tổng số Tăng(+), Giảm (-)	Trong đó:	
						Diện tích (ha) Tăng (+), giảm (-) ha	Tỷ lệ (%)		Diện tích chuyển sang năm sau	Diện tích hủy bỏ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6)-(4)	(8)=(7)/{(5)-(4)}*100	(9)=(6)-(5)	(10)	(11)=(9)-(10)
2.7.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	31,23	34,59	31,23	0,00	0,00	-3,36	-3,73	0,37
2.7.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	357,49	369,48	360,82	3,33	27,79	-8,66	-9,94	1,28
2.7.6	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	786,33	978,45	811,91	25,58	13,31	-166,54	-203,90	37,36
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	1.294,90	1.470,30	1.440,05	145,15	82,76	-30,24	-30,24	
2.8.1	Đất công trình giao thông	DGT	961,42	1.138,05	1.111,64	150,22	85,05	-26,41	-26,41	
2.8.2	Đất công trình thủy lợi	DTL	91,91	88,89	86,84	-5,07	168,24	-2,06	-2,06	
2.8.3	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT								
2.8.4	Đất công trình phòng, chống thiên tai	DPC								
2.8.5	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	26,26	26,26	26,26	0,00	100,00			
2.8.6	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	26,19	26,18	26,19	0,00	100,00	0,00	0,00	
2.8.7	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	158,68	160,39	158,68	0,00	0,00	-1,71	-1,71	
2.8.8	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	0,46	0,46	0,46	0,00	100,00	0,00	0,00	
2.8.9	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	7,53	7,60	7,53	0,00	0,00	-0,07	-0,07	
2.8.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	22,46	22,46	22,46	0,00	100,00	0,00	0,00	
2.9	Đất tôn giáo	TON	43,04	43,04	43,04	0,00	100,00	0,00	0,00	
2.10	Đất tín ngưỡng	TIN	14,05	14,15	14,05	0,00	100,00	-0,08	-0,08	
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	NTD	89,89	90,00	89,80	0,09	81,84	-0,21	-0,21	
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	1.398,10	1.399,52	1.384,42	13,68	98,92	-15,11	-17,61	2,50
2.12.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC	216,56	216,57	216,56	0,00	100,00	0,00		
2.12.2	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1.181,54	1.182,96	1.167,85	13,69	98,72	-15,10	-17,60	2,50
2.13	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	16,74	18,53	16,74	0,00	0,00	-1,80	-1,80	
3	Nhóm đất chưa sử dụng	CSD	522,06	514,90	517,42	-4,64	64,83	2,52	2,01	0,51
	Trong đó:									
3.1	Đất bằng chưa sử dụng	BCS	114,40	107,24	109,76	-4,64	64,82	2,52	2,01	0,51
3.2	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS	355,93	355,93	355,93	0,00	100,00			
3.3	Núi đá không có rừng cây	NCS	51,72	51,72	51,72	0,00	100,00			
3.4	Đất có mặt nước chưa sử dụng	MCS								

Ghi chú: Diện tích tại cột 5 tính cả diện tích theo kế hoạch được duyệt và diện tích các công trình dự án theo quy định khoản 4 điều 67 Luật Đất đai 2024

KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025 CỦA THÀNH PHỐ UÔNG BÍ- TỈNH QUẢNG NINH

Đơn vị tính : ha

STT	Chi tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính									
				Bắc Sơn	Nam Khê	Phương Đông	Phương Nam	Quang Trung	Thanh Sơn	Trung Vương	Vàng Danh	Yên Thanh	Thượng Yên Công
(1)	(2)	(3)	(4)=(6)+...(15)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
1	Nhóm đất nông nghiệp	NNP	19.392,84	2.513,67	441,64	1.830,82	1.040,36	768,29	670,54	872,71	4.392,32	787,59	6.074,89
1.1	Đất trồng lúa	LUA	1.322,44	42,38	106,45	281,10	286,05	50,26	13,92	158,32	58,99	96,55	228,43
1.1.1	Đất chuyên trồng lúa	LUC	816,25	21,67	106,45	128,72	98,60	20,83	12,02	76,55	47,92	96,41	207,08
1.1.2	Đất trồng lúa còn lại	LUK	506,20	20,70		152,38	187,45	29,43	1,90	81,77	11,08	0,15	21,35
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK	218,42	23,54	5,39	87,60	0,84	23,48	4,08	2,57	14,03	56,89	
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	2.345,44	233,67	91,74	384,89	517,67	141,69	264,14	59,74	150,41	90,93	410,55
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD	2.338,43			83,44							2.255,00
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH	2.478,77	1.078,73		206,23	0,29			52,80	707,63	60,81	372,30
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	9.195,87	1.131,49	226,08	678,41	19,79	429,08	371,56	76,76	3.460,21		2.802,48
	Trong đó: Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên	RSN	3.297,01	148,25		79,08	20,72				310,35		2.738,61
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	1.463,65	1,87	10,37	96,91	215,45	123,78	9,65	522,53	1,05	482,04	
1.8	Đất chăn nuôi tập trung	CNT											
1.9	Đất làm muối	LMU											
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH	29,81	2,00	1,61	12,24	0,28		7,18			0,37	6,13
2	Nhóm đất phi nông nghiệp	PNN	5.823,27	316,75	299,38	534,64	1.097,71	604,81	292,43	643,88	710,02	684,86	638,81
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	52,80										52,80
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	678,93	43,64	30,35	64,12	74,14	139,47	91,87	83,05	82,41	69,87	
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	20,03	0,97	0,48	6,21	1,36	0,62	4,37	0,97	0,84	2,46	1,76
2.4	Đất quốc phòng	CQP	195,44	0,03	131,44	28,74	11,90	0,72	14,43	4,53	0,02	3,06	0,57
2.5	Đất an ninh	CAN	91,33	0,06	0,05	0,52	88,89	0,05	0,03	0,34	0,06	0,99	0,34
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	130,69	4,27	21,68	23,37	6,62	14,61	28,09	9,48	7,81	8,10	6,66
2.6.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	16,57	1,38	1,36	1,64	1,73	2,61	1,73	1,42	2,24	1,04	1,43
2.6.2	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH	1,72		1,72								
2.6.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	13,07	0,05	0,21	0,07	0,26	0,06	10,83	0,34	0,93	0,13	0,18
2.6.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	83,04	2,83	18,40	20,81	3,61	7,73	14,82	5,28	3,58	3,64	2,34
2.6.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	16,08			0,85	1,02	4,00	0,70	2,44	1,06	3,29	2,71
2.6.6	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH	0,28					0,28					
2.6.7	Đất xây dựng cơ sở môi trường	DMT											
2.6.8	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn	DKT											
2.6.9	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG											
2.6.10	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK											
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	1.467,71	115,96	55,75	73,94	284,62	121,37	38,77	95,94	447,83	16,06	217,44
2.7.1	Đất khu công nghiệp	SKK											
2.7.2	Đất cụm công nghiệp	SKN	62,65				62,65						
2.7.3	Đất khu công nghệ thông tin tập trung	SCT											
2.7.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	34,31		0,78	2,70	3,29	7,72	2,24	10,23	0,52	5,15	1,69
2.7.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	406,19	65,23	4,02	32,61	138,43	78,27	9,14	41,85	20,24	10,91	5,49

Biểu 20/CH

KẾ HOẠCH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025 CỦA THÀNH PHỐ UÔNG BÍ, TỈNH QUẢNG NINH

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Chỉ tiêu phân bổ đến từng đơn vị hành chính									
				Bắc Sơn	Nam Khê	Phương Đông	Phương Nam	Quang Trung	Thanh Sơn	Trung Vương	Vàng Danh	Yên Thanh	Thượng Yên Công
4.1	Chuyển đất phi nông nghiệp được quy định tại Điều 118 Luật Đất đai sang các loại đất phi nông nghiệp quy định tại Điều 119 hoặc Điều 120 Luật Đất đai	MHT/PNC	2,59			0,02	1,36	0,02			0,80	0,23	0,16
4.20	Đất phi nông nghiệp không phải đất ở chuyển sang đất ở.	MHT/OTC	0,04					0,02					0,02
4.3	Chuyển đất xây dựng công trình sự nghiệp sang đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	MHT/CSK											
4.4	Chuyển đất xây dựng công trình công cộng có mục đích kinh doanh sang đất sản xuất kinh doanh, phi nông nghiệp	MHT/CSK											
4.5	Chuyển đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải đất thương mại, dịch vụ sang đất thương mại, dịch vụ	MHT/TMD											

Ghi chú:

NNP là mã đất bổ sung, bao gồm các loại đất khác trong nhóm đất nông nghiệp;

PNN là mã loại đất theo quy hoạch;

MHT là mã đất theo hiện trạng sử dụng đất.

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025
CỦA THÀNH PHỐ UÔNG BÍ - TỈNH QUẢNG NINH**

STT	Tên dự án	Mã loại đất	Tổng diện tích thực hiện dự án	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Căn cứ pháp lý	Văn bản chấp thuận	Vị trí trên bản đồ địa chính	Ghi chú
						Tổng diện tích	Trong đó sử dụng vào diện tích từng loại đất					
(1)	(2)	(3)						(5)				
I	Công trình, dự án đã được xác định trong năm kế hoạch trước và các công trình, dự án theo quy định tại khoản 4 Điều 67, Luật Đất đai được tiếp tục thực hiện trong năm Kế hoạch											
I.1	Các công trình, dự án quy định tại khoản 4 Điều 67 Luật Đất đai											
	Đất quốc phòng											
1	Xây dựng trận địa PPK37mm bảo vệ nhà máy nhiệt điện Uông Bí (thuộc quy hoạch Thao trường huấn luyện trung đoàn 244)	CQP	1,133	1,133	1,133	1,133	CQP	Nam Khê	Quyết định số 298/QĐ-BQP ngày 19/01/2023 của Bộ quốc phòng về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án xây dựng công trình chiến đấu bổ sung mới để bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025 nguồn vốn NSNN chi thường xuyên cho quốc phòng	Nghị quyết 167/NQ-HĐND ngày 31/10/2023 của HĐND tỉnh về thông qua chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng	Thửa 29...tò bản đồ số 17	Chuyển tiếp
2	Sơ chỉ huy, ban chỉ huy quân sự thành phố Uông Bí	CQP	3,06	3,06		3,06	LUC, DGT,DTL,CSD ...	Yên Thanh	(1) Quyết định số 21/QĐ-BQP ngày 24/01/2023 của Bộ Quốc phòng phê duyệt chủ trương đầu tư dự án; (2) Quyết định số 1932/QĐ-QK3 ngày 16/11/2023 của Quân Khu 3 về việc phê duyệt Quy hoạch Tổng mặt bằng.	Nghị quyết số 203/NQ-HĐND ngày 19/4/2024 của HĐND tỉnh Quảng Ninh về việc thông qua các danh mục dự án cần chuyển mục đích sử dụng đất lúa.	Thửa 15.81.82.112.113...tò 24; Thửa 1.2.19.34.35.29.30.21...tò 25; Thửa 101.107.122.87.94.98...tò 17 bản đồ địa chính Yên Thanh.	chuyển tiếp
	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội											
3	Trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh Quảng Ninh	DXH	1,69	1,69		1,69	CLN,SON,CSD ...	Nam Khê	Nghị quyết số 210/NQ-HĐND tỉnh ngày 10/07/2024 của HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư công, vốn ngân sách tỉnh Quảng Ninh; Quyết định số 4926/QĐ-UBND ngày 17/10/2024 của UBND TP Uông Bí phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết 1/500.		Thửa 3.8,9.15...tò bản đồ số 44 bản đồ địa chính Nam Khê	Đăng ký mới
	Đất giao thông											
4	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 338, đoạn từ nút giao đường dẫn cầu Bến Rừng đến quốc lộ 18	DGT	5,790	5,790		5,79	LUC,CSD,NTS ,ODT,CLN,DG T,DTL.....	Trung Vương, Nam Khê	(1) Quyết định số 3733/QĐ-UBND ngày 01/12/2023 của UBND tỉnh về việc giao chủ đầu tư dự án Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 338, đoạn từ nút giao đường dẫn cầu Bến Rừng đến quốc lộ 18; (2) Quyết định số 4028/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của UBND tỉnh về việc phân bổ vốn chuẩn bị đầu tư ngân sách tỉnh năm 2024 (dợt 1); (3) Quyết định số 1170/QĐ-UBND ngày 28/3/2024 của UBND thành phố Uông Bí về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 mặt bằng tuyến dự án Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 338, đoạn từ nút giao đường dẫn cầu Bến Rừng đến quốc lộ 18; (4) Quyết định số 1785/QĐ-UBND ngày 18/6/2024 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án; (5) Quyết định số 1996/QĐ-UBND ngày 05/7/2024 của UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án.	Nghị quyết số 163/NQ-HĐND ngày 31/10/2023 của HĐND tỉnh về việc chủ trương đầu tư dự án Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 338, đoạn từ nút giao đường dẫn cầu Bến Rừng đến quốc lộ 18; Nghị quyết 203/NQ-HĐND ngày 19/4/2024 của HĐND tỉnh về việc thông qua danh mục các dự án, công trình thu hồi đất.	Thửa 2,3,4,5,6... tò 5, Thửa 1,5,6,17,37...tò 10, thửa 28,29,82,124,182...tò 18, thửa 2,14,7...tò 27, thửa 5,6,14,15,18...tò 38, thửa 1,3,5,6,25,27...tò 48 bản đồ địa chính Nam Khê; thửa 28,54,55,56,102,101 tò 26 bản đồ địa chính Trung Vương.	Đăng ký mới
5	Đường ven sông kết nối từ đường cao tốc Hạ Long - Hải Phòng đến thị xã Đông Triều, đoạn từ đường tỉnh 338 đến thị xã Đông Triều (giai đoạn 1)	DGT	148,30	148,30		148,30	LUK,CLN,SON ,DGT,DTL,NTS ...	Quang Trung, Trug Vương, Yên Thanh, Phương Đông, Phương Nam	Quyết định số 3784/QĐ-UBND ngày 02/10/2020 của UBND tỉnh QN v/v chấp thuận sơ đồ hướng tuyến; NQ 334/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Quảng Ninh v/v phê duyệt chủ trương đầu tư dự án; Quyết định số 8286/QĐ-UBND ngày 20/9/2021 của UBND TP UB v/v phê duyệt quy hoạch chi tiết TL 1/500; Quyết định 6998/QĐ-UBND ngày 04/11/2022 của TP Uông Bí phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết 1/500; Quyết định 274/QĐ-UBND ngày 31/01/2023 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung quy mô, vị trí, diện tích, số lượng công trình, dự án trong quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 TP Uông Bí	Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 16/07/2021; Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 27/8/2021 của HĐND tỉnh Quảng Ninh và điều chỉnh diện tích thực hiện dự án, diện tích thu hồi tại Nghị quyết 133/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh Quảng Ninh	Thuộc các tờ bản đồ số 40,41,42,43,44,45,61,62,63,9,4,15,13,79,19,80, 95,96,97,110,111,112 bản đồ địa chính Phương Nam, thuộc Các tờ 103,104,107 bản đồ Phương Đông, thuộc các tờ 33,34,41,42,43,44,114,117,118,119,120,121,12 3,124,55,2 bản đồ Yên Thanh, Thuộc tờ 114 Bản đồ Quang Trung, thuộc các tờ 22,27... Bản đồ Điện Công (nay là Trung Vương).	Chuyển tiếp

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025
CỦA THÀNH PHỐ UÔNG BÍ - TỈNH QUẢNG NINH**

STT	Tên dự án	Mã loại đất	Tổng diện tích thực hiện dự án	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Căn cứ pháp lý	Văn bản chấp thuận	Vị trí trên bản đồ địa chính	Ghi chú
						Tổng diện tích	Trong đó sử dụng vào diện tích từng loại đất					
6	Dự án cải tạo, nâng cấp quốc lộ 18 đoạn TX. Uông Bí- thành phố Hà Long theo hình thức BOT.	DGT	59.590	59.590	55,4	4,19	CLN,ODT,BH K.CSD...	Phường Đông, Phường Nam, Thanh Sơn, Yên Thanh, Quang Trung, Trung Vương, Nam Khê.	Quyết định số 996/QĐ-BGTVT ngày 17/05/2011 của Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt đầu tư dự án.		Bản đồ hiện trạng thành phố Uông Bí tỷ lệ 1/25.000	Chuyển tiếp
Đất giáo dục đào tạo												
7	Trụ sở chính trường Cao đẳng công nghiệp và xây dựng tại phường Phương Đông, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh	DGD	12,410	12,410	11,45	0,96	LUC,NTS,BCS, CSD,DGT,DTL ...	Phường Đông	(1) Quyết định số 992/QĐ-CT ngày 25/3/2021 của Bộ Công thương về phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Xây dựng Nhà lớp học và Xưởng thực hành công nghệ cao Trường Cao đẳng công nghiệp và xây dựng; (2) Quyết định số 2379/QĐ-CT ngày 21/10/2021 của Bộ Công thương về phê duyệt đầu tư dự án Xây dựng Nhà lớp học và Xưởng thực hành công nghệ cao Trường Cao đẳng công nghiệp và xây dựng, tiến độ thực hiện dự án 2021-2023; (3) Quyết định số 3999/QĐ-UBND ngày 23/7/2021 của UBND thành phố về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Trụ sở chính trường Cao đẳng công nghiệp và xây dựng tại phường Phương Đông, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh	Nghị quyết 86/NQ-HĐND ngày 31/03/2022 của HĐND tỉnh thông qua danh mục thu hồi đất và điều chỉnh tên, diện tích thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất tại Nghị quyết 106/NQ-HĐND ngày 09/07/2022	Thửa 3,189,19,13... Tờ 30, thửa 144,145,161,162,184,163...tờ 39 bản đồ địa chính Phường Đông.	Chuyển tiếp
I.2	Các dự án được xác định trong Kế hoạch sử dụng đất năm trước được tiếp tục thực hiện											
1	Công trình, dự án thu hồi đất											
Đất quốc phòng												
8	Khu quân sự số 92	CQP	23,870	23,870		23,87	RSX...	Phường Đông, Thanh Sơn	Quyết định số 4153/QĐ-UBND ngày 22/09/2014 Về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2.000; Thông báo số 312/TB-HĐND ngày 12/07/2017 của HĐND TP. Uông Bí phê duyệt chủ trương đầu tư; Quyết định số 6126/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của UBND thành phố Uông Bí phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình.	Nghị quyết 86/NQ-HĐND ngày 31/3/2022 của HĐND tỉnh về việc chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng	Thửa 1,2,3... tờ số 1 bản đồ địa chính Thanh Sơn; Tờ 1,24 Bản đồ địa chính Phường Đông	Chuyển tiếp
Đất an ninh												
9	Khu đất hoàn đổi cho trại giam tỉnh Quảng Ninh để thực hiện dự án tuyến đường ven sông tại phường Phương Nam, thành phố Uông Bí.	CAN	5,34	5,34		5,34	LUC, NTS,CLN,DGT .DTL, BCS...	Phường Nam	(1) Quyết định số 2305/QĐ-UBND ngày 14/7/2021 của UBND tỉnh Phê duyệt dự án bồi thường, GPMB để thực hiện dự án; (2) Văn bản số 768/UBND - QH3 ngày 05/4/2023 của UBND tỉnh về việc thống nhất địa điểm khu đất hoàn đổi diện tích giải phóng mặt bằng thực hiện dự án tuyến đường ven sông và Khu đất Trại giam Quảng Ninh để nghỉ mở rộng; (3) Văn bản số 4506/UBND - QH3 ngày 13/7/2023 của UBND tỉnh về việc tổ chức lập quy hoạch chi tiết khu đất hoàn đổi cho trại giam để thực hiện dự án tuyến đường ven sông tại phường Phương Nam, thành phố Uông Bí; (4) Quyết định 2041/QĐ-UBND ngày 24/7/2023 của UBND tỉnh Quảng Ninh phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án Đường ven sông kết nối từ đường cao tốc Hạ Long - Hải Phòng đến thị xã Đông Triều, đoạn từ đường tỉnh 338 đến thị xã Đông Triều (giai đoạn 1); (5) Quyết định số 60/QĐ-UBND, ngày 04/1/2024 của UBND TP. Uông Bí về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500 khu đất hoàn đổi cho Trại giam Quảng Ninh để thực hiện dự án Đường ven sông tại phường Phương Nam, TP Uông Bí.	Nghị quyết số 203/NQ-HĐND ngày 19/4/2024 của HĐND tỉnh Quảng Ninh về việc thông qua các danh mục dự án cần chuyển mục đích sử dụng đất.	Thửa 14,16... tờ 70; thửa 2,4,6,8,9,10,11,21,22,24... tờ 86 bản đồ địa chính Phường Nam.	Chuyển tiếp
10	Xây dựng Trụ sở công an xã Thượng Yên Công	CAN	0,17	0,17		0,17	BHK,LUC,DGT ...	Thượng Yên Công	(1) Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 21/10/2021 của HĐND thành phố Uông Bí; (2) Quyết định số 8870/QĐ-UBND ngày 14/10/2021 của UBND TP. Uông Bí phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500	Nghị quyết 86/NQ-HĐND ngày 31/03/2022 của HĐND tỉnh về việc chuyển mục đích	Thửa 177,178,179,180,91,92,93,94,95...tờ 53 bản đồ địa chính Thượng Yên Công	chuyển tiếp
Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản												

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025
CỦA THÀNH PHỐ UÔNG BÍ - TỈNH QUẢNG NINH**

STT	Tên dự án	Mã loại đất	Tổng diện tích thực hiện dự án	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Căn cứ pháp lý	Văn bản chấp thuận	Vị trí trên bản đồ địa chính	Ghi chú
						Tổng diện tích	Trong đó sử dụng vào diện tích từng loại đất					
11	Dự án cải tạo mở rộng khai thác lộ via V4:8A mỏ than Vàng Danh	SKS	126.300	126.300	98,89	27,41	RSX	Vàng Danh	(1) Quyết định số 5971/QĐ-UBND ngày 23/9/2020 của UBND thành phố Uông Bí về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Dự án Cải tạo mở rộng khai thác lộ thiên via 4 ÷ 8A Mỏ than Vàng Danh; (2) Quyết định số 2450/QĐ-UBND ngày 11/5/2023 của UBND thành phố Uông Bí về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Dự án Cải tạo mở rộng khai thác lộ thiên via 4 ÷ 8A Mỏ than Vàng Danh; (3) Quyết định số 865/QĐ-BTNMT ngày 27/4/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Cải tạo mở rộng khai thác lộ thiên via 4 ÷ 8A Mỏ than Vàng Danh tại phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; (4) Quyết định số 399/QĐ-UBND ngày 16/2/2023 của UBND tỉnh về chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư; (5) Quyết định số 1298/QĐ-UBND ngày 03/5/2024 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với diện tích 21,89 ha rừng trồng thuộc dự án Đầu tư Cải tạo mở rộng khai thác lộ thiên via 4 ÷ 8A Mỏ than Vàng Danh;	Nghị quyết số 60/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh; Nghị quyết số 86/NQ-HĐND ngày 31/3/2022 của HĐND tỉnh; Nghị quyết số 156/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 thông qua chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng; Nghị quyết 220/HĐND ngày 10/07/2024 của HĐND tỉnh thông qua chủ trương điều chỉnh diện tích đất thực hiện dự án; Nghị quyết số 235/NQ-HĐND ngày 05/11/2024 của HĐND tỉnh về việc thông qua danh mục các công trình, dự án cần chuyển mục đích sử dụng đất.	Bản đồ hiện trạng phường Vàng Danh	Chuyển tiếp
12	Dự án đầu tư mở rộng mặt bằng sản xuất khu vực cửa lò mức +139 Vàng Danh tại phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí	SKS	1.520	1.520	0,25	1,27	ODT,CLN,DGT ...	Vàng Danh	(1) Quyết định phê duyệt quy hoạch số 1240/QĐ-UBND ngày 16/4/2021 của UBND thành phố Uông Bí; Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư số 761/QĐ-UBND ngày 28/3/2022 của UBND tỉnh Quảng Ninh.	Nghị quyết số 86/NQ-HĐND ngày 31/3/2022 của HĐND tỉnh thông qua danh mục thu hồi đất	Bản đồ hiện trạng phường Vàng Danh	Chuyển tiếp
13	Dự án đầu tư xây dựng bãi thải nhà máy sàng tuyển than Nam Mẫu	SKS	23.570	23.570		23,57	RSX	Thương Yên Công	(1) Quyết định số 6047/QĐ-UBND ngày 25/9/2020 của UBND thành phố Uông Bí về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Bãi thải nhà máy sàng tuyển than Nam Mẫu; (2) Quyết định số 1626/QĐ-UBND ngày 15/6/2023 của UBND tỉnh về chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư Dự án đầu tư xây dựng bãi thải nhà máy sàng tuyển than Nam Mẫu - Công ty Than Nam Mẫu – TKV; (3) Giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường số 06/GXXN-UBND ngày 01/6/2021 của UBND thành phố Uông Bí; (4) Quyết định số 769/QĐ-UBND ngày 21/3/2024 của UBND tỉnh về việc chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác;	Nghị quyết số 60/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh về việc thông qua danh mục thu hồi đất; Nghị quyết 86/NQ-HĐND ngày 31/03/2022 về việc định chỉnh diện tích; Nghị quyết số 156/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 thông qua chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng; Nghị quyết 235/NQ-HĐND tỉnh ngày 05/11/2024 của HĐND tỉnh về việc thông qua danh mục công trình, dự án cần chuyển mục đích sử dụng đất.	Bản đồ hiện trạng xã Thương Yên Công	chuyển tiếp
Đất giao thông												
14	Đường giao thông đoạn từ Quốc lộ 10 đến chợ công khu Hiệp An 2, phường Phương Nam, thành phố Uông Bí	DGT	1.510	1.510	0,4	1,51	LUC,DGT,DTL ,DVH,ODT,CL N...	Phương Nam	(1) Quyết định số 3122/QĐ-UBND ngày 05/05/2022 của UBND thành phố Uông Bí phê duyệt mặt bằng hưởng tuyến; (2) Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 21/12/2021 của HĐND thành phố Uông Bí về việc phê duyệt bổ sung chủ trương đầu tư công trình thực hiện năm 2022	Nghị quyết số 133/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh thông qua danh mục thu hồi đất; Nghị quyết số 156/NQ-HĐND ngày 12/07/2023 của HĐND tỉnh về việc chuyển mục đích sử dụng đất; Nghị quyết số 203/NQ-HĐND ngày 19/04/2024 của HĐND tỉnh về việc điều chỉnh diện tích CMD sử dụng đất.	Thửa 80,81.82.99.65.66.59...Tờ 47, Thửa 51,54.116.117.118.119.120...48, Thửa 46.47.48.53.55.61.56...Tờ 64, thửa 124.166.178.132.127...tờ 10 bản đồ địa chính Phương Nam	Chuyển tiếp
15	Nâng cấp, mở rộng đường Yên Trung, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí (đoạn từ Quốc lộ 18 đến công ty kho vận Đá Bạc-Vinacomin)	DGT	1.830	1.830	0,70	1,83	BHK, LUK,LUC,CLN ,ODT,DGT,CS D,TSC....	Phương Đông	Nghị quyết số 101/NQ-HĐND ngày 22/12/2022 của HĐND thành phố Phê duyệt chủ trương đầu tư; Quyết định số 6238/QĐ-UBND ngày 07/11/2023 của UBND thành phố Uông Bí phê duyệt mặt bằng hưởng tuyến dự án	Nghị quyết 186/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Quảng Ninh thông qua danh mục thu hồi đất; Nghị Quyết 203/NQ-HĐND ngày 19/04/2024 của HĐND tỉnh thông qua danh mục CMD sử dụng đất.	Thửa 174.204.216.217.253.290.295.296...tờ 42, Thửa 100.149.187.74.102.101...tờ 59, Thửa 389.391.390.386.347.416.323...tờ 70, Thửa 20.21.37...tờ 79 Bản đồ địa chính Phương Đông.	Chuyển tiếp
16	Tuyến đường từ quốc lộ 18 cũ vào trường tiểu học Phương Đông A, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí	DGT	0,603	0,603		0,603	BHK,CLN,DGT ...	Phương Đông	Nghị quyết số 113/NQ-HĐND ngày 11/5/2023 của HĐND thành phố về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công vốn ngân sách thành phố; Quyết định số 3438/QĐ-UBND ngày 26/6/2023 của UBND thành phố về việc phê duyệt Tổng mặt bằng hưởng tuyến tỷ lệ 1/500 Tuyến đường từ Quốc lộ 18 cũ vào trường tiểu học Phương Đông A, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí.	Nghị quyết 186/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Quảng Ninh thông qua danh mục thu hồi đất	Thửa 179.213.231.257.284.287.315...Tờ 29, Thửa2.33.54.31.55.56...tờ 38, Thửa 141.192...tờ 48 bản đồ địa chính Phương Đông	Chuyển tiếp

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025
CỦA THÀNH PHỐ UÔNG BÍ - TỈNH QUẢNG NINH**

STT	Tên dự án	Mã loại đất	Tổng diện tích thực hiện dự án	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Căn cứ pháp lý	Văn bản chấp thuận	Vị trí trên bản đồ địa chính	Ghi chú
						Tổng diện tích	Trong đó sử dụng vào diện tích từng loại đất					
17	Tuyến đường Trần Hưng Đạo kéo dài nối với đường tránh phía Nam thành phố	DGT	8,750	8,750		8,75	LUC,LUK,NTS,ODT,CLN,DG T,DTT.....	Yên Thanh	Quyết định phê duyệt QH tuyến đường 7152/QĐ-UBND ngày 05/11/2018 của UBND thành phố UB; Quyết định số 7018/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 v/v phê duyệt dự án đường Trần Hưng Đạo kéo dài nối với đường tránh phía Nam thành phố; NQ số 1049 ngày 21/11/2020 của HĐND TP Uông Bí v/v phê duyệt danh mục dự án đầu tư công 2020	Nghi quyết số 149/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh thông qua danh mục thu hồi đất; Nghị quyết số 183/NQ-HĐND ngày 05/07/2019 của HĐND tỉnh về việc thông qua danh mục dự án chuyển mục đích sử dụng đất.	Thửa 42,56...tờ 73, Thửa 169,199,200,135,150,151,152,153,162,161,174, 193...tờ 74, Thửa 41,42,43...tờ 75, Thửa 5,6,7, tờ 87, Thửa 4,26,27,56,57,58,74,75,76...tờ 86, Thửa 8,16,17,27,25,41,42,50...tờ 92, Thửa 94,97,119,127,128,151,215,216...tờ 100, Thửa 203,204,246,258,259,300,312...tờ 24, Thửa 23,37,38,41,48,47,54,55...tờ 32 bản đồ địa chính Yên Thanh.	Chuyển tiếp
18	Tuyến đường giao thông dẫn vào trụ sở Doanh trại Ban chỉ huy quân sự thành phố	DGT	0,973	0,973		0,973	LUC,DGT,DTL...	Yên Thanh	(1) Quyết định số 381/QĐ-UBND ngày 14/02/2023 về việc phê duyệt Tổng mặt bằng tuyến; (2) Nghị Quyết 129/NQ-HĐND ngày 21/7/2023 của HĐND thành phố về phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công vốn ngân sách Thành phố.	Nghi quyết 147/NQ-HĐND ngày 30/3/2023 thông qua danh mục nhà nước thu hồi đất và điều chỉnh địa điểm thực hiện dự án tại Nghị quyết 156/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 thông qua danh mục nhà nước thu hồi đất; Nghị quyết 186/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Quảng Ninh thông qua nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất	Thửa 106,144,116,159,160,145,146,158,180,187,181, 186,201,207,184...Tờ 24, Thửa 50,58,59,66,60,67,51,48,49,60...tờ 25 Bản đồ địa chính Yên Thanh.	Chuyển tiếp
19	Tuyến đường Trần Hưng Đạo kéo dài (giai đoạn 2)	DGT	5,500	5,500		5,50	LUK,CLN,SON,DGT,DTL,NTS...	Yên Thanh	Quyết định số 8514/QĐ-UBND ngày 29/12/2020 của UBND TP UB V/v PD ĐC MB QH chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 dự án; Nghị quyết số 1049/NQ-HĐND ngày 21/11/2020 của HĐND TP UB về phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án: QĐ số 8959/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 v.v Phê duyệt chủ trương đầu tư DA	Nghi quyết số 333/NQ_HĐND ngày 24/03/2021 của HĐND tỉnh thông qua danh mục chuyển mục đích sử dụng đất	Thửa 87,99,106,100,108,82...Tờ 32, thửa 5,13,25,34,35,33,49,58,233,238,258,259,264...Tờ 39, Thửa 4,14,48,22,37,21,3,5,14,63,67...Tờ 47, Thửa 67,75,82,89,93,94,95,97...Tờ 48 bản đồ địa chính Yên Thanh	Chuyển tiếp
20	Tuyến đường Yên Tử kéo dài đoạn từ Quốc lộ 18A đến Quốc lộ 10 và đường 10 làn xe, thành phố Uông Bí	DGT	10,66	10,66		10,66	LUC,LUK,NTS,BHK,CLN,ODT,DGT,DTL,CS D.....	Phường Đông, Phường Nam	Quyết định số 4319/QĐ-UBND ngày 25/8/2023 của UBND thành phố Uông Bí về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Mặt bằng tuyến đường Yên Tử kéo dài đoạn từ Quốc lộ 18A đến Quốc lộ 10 và đường 10 làn xe, thành phố Uông Bí; Nghị quyết số 72/NQ-HĐND thành phố Uông Bí về quyết định chủ trương đầu tư; Quyết định 4757/QĐ-UBND ngày 20/9/2023 về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình: Tuyến đường Yên Tử kéo dài đoạn từ Quốc lộ 18A đến Quốc lộ 10 và đường 10 làn xe, thành phố Uông Bí	NNghi quyết số 28/NQ-HĐND ngày 16/07/2021 của HĐND tỉnh Quảng Ninh về việc thông qua danh mục thu hồi và chuyển mục đích sử dụng đất; Nghị quyết 186/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Quảng Ninh về điều chỉnh diện tích dự án;	Thửa 41,42,27,44...tờ 46, thửa 5,6,7,12,13...tờ 47, thửa 29,31,34,35,94,108,118...tờ 51, thửa 158,159,183,188,202,212,220...tờ 62, thửa 57,59,90,91,146,164,165...tờ 71 bản đồ địa chính Phường Đông, Thửa 31,47,96,94,95,89,90...tờ 36, thửa 106,131,137,68,69,79,107,106...tờ 47, thửa 59,62,63,89,90,93...tờ 63, thửa 7,8...tờ 14 bản đồ địa chính Phường Nam.	Chuyển tiếp
21	Chỉnh trang tuyến phố Hoàng Quốc Việt đoạn từ cầu Trung Đoàn đến đường Tuệ Tĩnh thành phố Uông Bí	DGT	2,610	2,610	1,80	0,81	CLN,ODT,BHK,DGT,DTL...	Thanh Sơn	Nghi quyết số 101/NQ-HĐND ngày 22/12/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Uông Bí về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công vốn ngân sách Thành phố; QĐ số 1331/QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2023 phê duyệt MB hướng tuyến tỷ lệ 1/500; .	Nghi quyết số 156/NQ-HĐND ngày 12/07/2023 của HĐND tỉnh Quảng Ninh thông qua danh mục thu hồi đất	Thửa 26,27,17,18,14,8...tờ 74, thửa 20,21 tờ 63, thửa 75,53,54...tờ 64, thửa 63,64,65,66,67,68,69...tờ 65, thửa 2,5,10,11...tờ 76, thửa 2,21,29,26,25,33...tờ 77, thửa 28,17,132,49...tờ 78 bản đồ địa chính Thanh Sơn	Chuyển tiếp
22	Công trình Nâng cấp vỉa hè, đường giao thông, rãnh thoát nước khu 4, phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí; Hàng mục: Đoạn làm mới	DGT	0,09	0,09	0,06	0,03	CLN	Thanh Sơn	Quyết định số 10768/QĐ-UBND ngày 07/12/2021 của UBND thành phố về việc phê duyệt mặt bằng hướng tuyến tỷ lệ 1/500 công trình: Nâng cấp vỉa hè, đường giao thông, rãnh thoát nước khu 4, phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí; Hàng mục: Đoạn làm mới; Quyết định số 10840/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 của UBND thành phố về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật.	Nghi quyết 186/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Quảng Ninh thông qua danh mục thu hồi đất	Thửa 29,44,112...tờ số 85 bản đồ địa chính Thanh Sơn	Chuyển tiếp

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025
CỦA THÀNH PHỐ UÔNG BÍ - TỈNH QUẢNG NINH**

STT	Tên dự án	Mã loại đất	Tổng diện tích thực hiện dự án	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Cơ sở pháp lý	Văn bản chấp thuận	Vị trí trên bản đồ địa chính	Ghi chú
						Tổng diện tích	Trong đó sử dụng vào diện tích từng loại đất					
23	Chính trang tuyến phố Thanh Sơn đoạn từ ngã 7 đường Trần Hưng Đạo đến đường Tuệ Tĩnh thành phố Uông Bí	DGT	3,730	3,730	2,53	1,20	DGT,CLN,TSC ,NTD,DGT,BH K,CSD...	Thanh Sơn	Nghị quyết số 101/NQ-HĐND ngày 22/12/2022 của HĐND thành phố về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công vốn ngân sách thành phố; Quyết định số 3440/QĐ-UBND ngày 26/6/2023 của UBND thành phố về việc phê duyệt Tổng mặt bằng hướng tuyến tỷ lệ 1/500	Nghị quyết 186/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Quảng Ninh thông qua danh mục thu hồi đất	Thửa 9.10,11,12,13...tờ số 74 phường Yên Thanh, Thửa 33.31,53,52...tờ 96, thửa 41,42,43,44,45...tờ 97, thửa 17.18, 19,20,21,22...tờ 98, thửa 37,38,39,40...tờ 99, thửa 126,230,124...tờ 100, thửa 76,77,78,79,80...tờ 101, thửa 134,135 tờ 102	Chuyển tiếp
24	Chính trang tuyến đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Thành ủy, HĐND và UBND thành phố đến ngã tư Trần Phú, thành phố Uông Bí	DGT	0,43	0,43	0,31	0,12	CLN,CSD	Quang Trung, Thanh Sơn	Nghị quyết 55/QĐ-HĐND ngày 10/5/2022 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư; Quyết định số 3481/QĐ-UBND ngày 17/5/2022 về việc phê duyệt mặt bằng hướng tuyến; Quyết định 4373/QĐ-UBND ngày 20/6/2022 của UBND thành phố Uông Bí về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình;	Nghị quyết số 133/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh thông qua danh mục thu hồi đất	Thửa 58,59,115,18,34,35...tờ 89 Thanh Sơn, Thửa 132 tờ 20, thửa 136 tờ 19 ban đồ Quang Trung.	Chuyển tiếp
25	Chính trang tuyến đường Trần Phú đoạn từ ngã tư Trần Phú – Lùm Xanh đến cầu Trung Đoàn, thành phố Uông Bí	DGT	0,45	0,45	0,41	0,04	CLN,DGT	Quang Trung	Nghị quyết 56/QĐ-HĐND ngày 10/5/2022 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư; Quyết định số 3482/QĐ-UBND ngày 17/5/2022 về việc phê duyệt mặt bằng hướng tuyến; Quyết định 5208/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 của UBND thành phố Uông Bí về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình;	Nghị quyết số 133/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh thông qua danh mục thu hồi đất	Thửa 4,5,6,7,91,92,93,94...tờ 19 ban đồ địa chính Quang Trung	Chuyển tiếp
26	Chính trang tuyến đường Lùm Xanh đoạn từ ngã tư Trần Phú đến đèo Lùm Xanh, thành phố Uông Bí	DGT	2,36	2,36	2,01	0,35	BHK,CLN,CSD ...	Quang Trung	Nghị quyết 56/QĐ-HĐND ngày 10/5/2022 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư; Quyết định số 4434/QĐ-UBND ngày 21/6/2022 về việc phê duyệt mặt bằng hướng tuyến;	Nghị quyết số 133/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh thông qua danh mục thu hồi đất	Thửa 1,2,5,6,15...tờ số 1, Thửa 1,79,7,75...tờ số 2, Thửa 19,20,31,11...tờ số 4, thửa 20,39,51,57,56,70...tờ số 7, Thửa 17,116...tờ số 8, Thửa 6,7,8,9,21,42,43...tờ số 13, Thửa 30,31,32,52,56,53,54...tờ 19, thửa 49,50,51,52,53,54...tờ 20	Chuyển tiếp
27	Đầu tư nâng cấp sửa chữa công trình lâm sinh đường tuần tra bảo vệ Phòng cháy chữa cháy rừng, phục hồi tái sinh rừng khu vực đầu nguồn suối Lùm Xanh và đèo Bình Hương, thành phố Uông Bí	DGT	2,250	2,250		2,25	RSX,CLN...	Thương Yên Công	Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 31/3/2021 của HĐND thành phố Uông Bí về việc Quyết định chủ trương đầu tư dự án: QĐ số 2623/QĐ-UBND phê duyệt MB hướng tuyến dự án	Nghị quyết số 133/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh thông qua danh mục thu hồi đất; Nghị quyết 186/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Quảng Ninh thông qua chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng	Thửa 78,5,9...tờ 82, thửa 78,194...tờ 90, thửa 247,306,326,284...tờ 89, các vị trí còn lại chưa có BDĐC xác định theo báo đồ hiện trạng xã Thương Yên Công tỷ lệ 1/10000.	Chuyển tiếp
28	Xử lý sạt trượt tuyến đường vận chuyển rác vào nhà máy xử lý chất thải rắn khe giang, xã Thương Yên Công, thành phố Uông Bí	DGT	2,010	2,010	0,02	1,99	BHK,CLN,RSX ,DGT...	Thương Yên Công	Nghị quyết số 101/NQ-HĐND ngày 22/12/2022 của HĐND thành phố về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công vốn ngân sách thành phố; Quyết định số 481/QĐ-UBND ngày 20/2/2023 của UBND thành phố về việc phê duyệt Tổng mặt xây dựng công trình Xử lý sạt trượt tuyến đường vận chuyển rác vào nhà máy xử lý chất thải rắn khe giang, xã Thương Yên Công, thành phố Uông Bí.	Nghị quyết 186/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Quảng Ninh thông qua danh mục thu hồi đất; Nghị quyết số 220/NQ-HĐND ngày 19/4/2024 của HĐND tỉnh quyết định chủ trương CMD rừng đợt 2 năm 2024. Nghị quyết 245/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của HĐND tỉnh thông qua danh mục các dự án cần CMD sử dụng đất.	Thửa 19...tờ 71, thửa 3,5,16,14,13...tờ 81 BDĐC xã Thương Yên Công	chuyển tiếp
29	Xử lý sạt lở mái ta tuỵ đường đường hành hương vào khu di tích Yên Tử và di tích Ngọa Vân đoạn ngã ba cầu Vành Lược, phường Vạng Danh, thành phố Uông Bí	DGT	1,400	1,400	0,47	0,93	RSX,CLN...	Vạng Danh	Nghị quyết số 113/NQ-HĐND ngày 11/5/2023 của HĐND thành phố về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công vốn ngân sách thành phố; Quyết định số 3197/QĐ-UBND ngày 20/6/2023 của UBND thành phố về việc phê duyệt Tổng mặt xây dựng công trình Xử lý sạt lở mái ta tuỵ đường đường hành hương vào khu di tích Yên Tử và di tích Ngọa Vân đoạn ngã ba cầu Vành Lược, phường Vạng Danh, thành phố Uông Bí.	Nghị quyết 186/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Quảng Ninh thông qua danh mục thu hồi đất; Nghị Quyết 203/NQ-HĐND ngày 19/4/2024 của HĐND tỉnh quyết định chủ trương CMD rừng; Nghị quyết 235/NQ-HĐND tỉnh ngày 05/11/2024 của HĐND tỉnh về việc thông qua danh mục công trình, dự án cần chuyển mục đích sử dụng đất.	Bản đồ hiện trạng phường Vạng Danh tỷ lệ 1/10,000	Chuyển tiếp
30	Xây dựng đường từ cầu Bắc Sơn đến cầu Vành Lược thuộc dự án đầu tư xây dựng một số tuyến đường hành hương vào khu di tích Yên Tử và di tích Ngọa Vân	DGT	9,720	9,720	2,05	7,67	BHK,CLN,DGT ,DITL,ODT,RS X....	Bắc Sơn	Quyết định số 2349/QĐ-UBND ngày 26/04/2018 của UBND thành phố Uông Bí về việc phê duyệt điều chỉnh Dự án đầu tư xây dựng một số tuyến đường hành hương vào khu di tích Yên Tử và di tích Ngọa Vân (thực hiện Thông báo Kết luận số 121/TB-UBND ngày 16/05/2016 của UBND tỉnh Quảng Ninh); Quyết định số 1622a/QĐ-UBND ngày 12/04/2019 về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch điều chỉnh mặt bằng tuyến đường tỷ lệ 1/500	Nghị quyết 120/NQ-HĐND ngày 13/07/2018 của HĐND tỉnh thu hồi đất; Nghị quyết 192/NQ-HĐND ngày 30/07/2019 của HĐND tỉnh thông qua danh mục các dự án cần chuyển mục đích sử dụng đất	Bản đồ hiện trạng phường Vạng Danh tỷ lệ 1/10,000, Bản đồ hiện trạng phường Bắc Sơn tỷ lệ 1/5000	Chuyển tiếp

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025
CỦA THÀNH PHỐ ỒNG BÍ - TỈNH QUẢNG NINH**

STT	Tên dự án	Mã loại đất	Tổng diện tích thực hiện dự án	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Căn cứ pháp lý	Văn bản chấp thuận	Vị trí trên bản đồ địa chính	Ghi chú
						Tổng diện tích	Trong đó sử dụng vào diện tích từng loại đất					
	Đất năng lượng											
31	Nâng cao tính không đường dây 110kV Xi măng Chínfon và đường dây 110kV Xi măng Hải Phòng thuộc dự án: Bồi thường, giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án Đường ven sông kết nối từ đường cao tốc Hạ Long - Hải Phòng đến thị xã Đông Triều, đoạn từ đường tỉnh 338 đến thị xã Đông Triều (giai đoạn 1)	DNL	0,10	0,10		0,10	LUK,CLN	Phượng Nam	Quyết định số 5003/QĐ-UBND ngày 15/07/2022 của UBND thành phố Ồng Bí phê duyệt mặt bằng hương tuyến ; Quyết định số 2305/QĐ-UBND ngày 14/07/2021 của UBND tỉnh phê duyệt dự án	Nghị quyết số 156/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 về việc thông qua danh mục dự án, công trình/CMD sử dụng đất ; Nghị quyết số 133/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh thng qua danh mục thu hồi đất;	Thửa 38,39 từ 112, Thửa 44,45,46,90,93,94... từ 111 bản đồ địa chính phường Nam	Chuyển tiếp
32	Cải tạo, nâng cao khả năng truyền tải đường dây 110kV từ lộ 175 nhiệt điện Ồng Bí đến TBA 110kV Chợ Rộc, thị xã Quảng Yên	DNL	1,08	1,08		1,08	RSX,CLN...	Trung Vương, Bắc Sơn, Nam Khê	Quyết định 1589/QĐ-UBND ngày 17/4/2019 của UBND tỉnh Quảng Ninh phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500; Quyết định số 3797/QĐ-EVNNPC ngày 10/12/2018 của Tổng công ty điện lực miền Bắc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi.	Nghị quyết 192/NQ-HĐND ngày 30/7/2019 của HĐND tỉnh về việc thông qua danh mục thu hồi đất.	Bản đồ hiện trạng các phường Bắc Sơn, Nam Khê, Trung Vương tỷ lệ 1/5000	Chuyển tiếp
33	Trạm biến áp 220kV Yên Hưng tại phường Minh Thành, thị xã Quảng Yên và tuyến đường dây đầu nối từ đường dây 220kV Ồng Bí - Trảng Bạch tại thành phố Ồng Bí	DNL	0,53	0,53		0,53	RSX,CLN,BHK... ..	Bắc Sơn, Nam Khê	Quyết định số 65/QĐ-UBND ngày 08/01/2019 của UBND tỉnh Quảng Ninh phê duyệt quy hoạch tổng mặt bằng;	Nghị quyết 192/NQ-HĐND ngày 30/7/2019 của HĐND tỉnh về việc thông qua danh mục thu hồi đất.	Bản đồ hiện trạng các phường Bắc Sơn, Nam Khê, tỷ lệ 1/5000	Chuyển tiếp
	Đất cơ sở văn hóa											
34	Khu trung tâm hành chính- chính trị phường Nam Khê (Hàng mục: xây dựng nhà bia liệt sỹ phường Nam Khê, thành phố Ồng Bí)	DVH	0,45	0,45		0,45	BCS,BHK,CLN...LUK...	Nam Khê	Nghị quyết số 129/NQ-HĐND ngày 21/7/2023 của HĐND thành phố Ồng Bí về phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công vốn ngân sách Thành phố; Quyết định số 920/QĐ-UBND ngày 12/03/2024 của UBND thành phố Ồng Bí về việc phê duyệt Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu trung tâm Hành chính - Chính trị phường Nam Khê, thành phố Ồng Bí;	Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 27/07/2016 của HĐND tỉnh thông qua danh mục thu hồi đất ; Nghị quyết số 203/NQ-HĐND ngày 19/4/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc thông qua danh mục các dự án, công trình thu hồi đất, có nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất	Thửa 1,2,4,5,6,8,9,10...từ số 29 bản đồ địa chính Phường Nam Khê	Chuyển tiếp
35	Nhà văn hóa khu 10 phường Quang Trung, thành phố Ồng Bí	DVH	0,12	0,12		0,12	BHK,CSD...	Quang Trung	Quyết định 1589/QĐ-UBND ngày 17/4/2019 của UBND tỉnh Quảng Ninh phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500; Quyết định số 3797/QĐ-EVNNPC ngày 10/12/2018 của Tổng công ty điện lực miền Bắc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi.	Nghị quyết 192/NQ-HĐND ngày 30/7/2019 của HĐND tỉnh về việc thông qua danh mục thu hồi đất.	Thửa 134,143,160...từ 59 bản đồ địa chính phường Quang Trung.	Chuyển tiếp
	Đất chợ											
36	Chợ xã Thương Yên Công	DCH	0,49	0,49	0,43	0,06	DGT,ONT,CLN... ..	Thương Yên Công	Quyết định số 5373/QĐ-UBND ngày 05/8/2022 của UBND thành phố Ồng Bí về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Chợ xã Thương Yên Công, thành phố Ồng Bí;	Nghị quyết 121/NQ-HĐND ngày 04/11/2022 của HĐND tỉnh về việc thông qua danh mục thu hồi đất.	Thửa 144,126,175,227 từ 53 bản đồ địa chính xã Thương yên Công	Chuyển tiếp
	Đất tín ngưỡng											
37	Mở rộng đình Bí Giảng phường Yên Thanh, thành phố Ồng Bí	TIN	0,08	0,08		0,08	LUC	Yên Thanh	Quyết định số 5835/QĐ-UBND ngày 31/08/2022 của UBND thành phố Ồng Bí phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500	Nghị quyết số 133/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh thông qua danh mục thu hồi đất	Thửa 128,129,130,140,152 từ số 83 bản đồ địa chính Yên Thanh	Chuyển tiếp
2	Công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất (không thuộc nhóm DA nhà nước thu hồi đất)											
	Đất khai thác khoáng sản											
38	Dự án đầu tư xây dựng công trình khu phục vụ điều hành sản xuất trung tâm Vàng Danh, phường Vàng Danh, thành phố Ồng Bí	SKS	3,510	3,510	2,92	0,59	ODT,CLN,DGT... ..	Vàng Danh	Quyết định số 4424/QĐ-UBND ngày 16/08/2021 của UBND TP.Ồng Bí phê duyệt mặt bằng quy hoạch chi tiết; Quyết định số 1357/QĐ-UBND ngày 04/05/2016 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt đề án di dân tổng thể khỏi vùng sạt lở; Quyết định số 539/QĐ-UBND ngày 19/02/2024 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư.		Thửa 5,6,10,24,33,25,26,27,22,21...từ 16 bản đồ địa chính Vàng Danh.	Chuyển tiếp

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025
CỦA THÀNH PHỐ UÔNG BÍ - TỈNH QUẢNG NINH**

STT	Tên dự án	Mã loại đất	Tổng diện tích thực hiện dự án	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Căn cứ pháp lý	Văn bản chấp thuận	Vị trí trên bản đồ địa chính	Ghi chú
						Tổng diện tích	Trong đó sử dụng vào diện tích từng loại đất					
39	Trạm xử lý nước sinh hoạt tại khu 9 ,phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí	SKS	0,470	0,470	0,01	0,46	ODT, CLN...	Vàng Danh	Quyết định số 12099/QĐ-UBND ngày 28/12/2021 của UBND thành phố Uông Bí phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500; Quyết định số 2001/TNMT-QHKH ngày 24/04/2023 của Sở TNMT về việc chấp thuận chuyển nhượng, góp vốn, thuê quyền SDD để thực hiện dự án.		Thửa 1,12 từ 14, Thửa 7,10,43...tò 20 bản đồ địa chính Vàng Danh	Chuyển tiếp
40	Hệ thống cấp nước phụ vụ sản xuất, sinh hoạt tại khu 9 phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí (Thuộc dự án : Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 dự án đầu tư xây dựng gara ô tô khu Cảnh Gà và hệ thống cấp nước phụ vụ sản xuất, sinh hoạt tại khu 9 phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí)	SKS	0,290	0,290	0,02	0,27	RSX, DGT, DTL....	Vàng Danh	Quyết định phê duyệt quy hoạch số 1234/QĐ-UBND ngày 16/4/2021 của UBND thành phố Uông Bí; Quyết định số 2001/TNMT-QHKH ngày 24/04/2023 của Sở TNMT về việc chấp thuận chuyển nhượng, góp vốn, thuê quyền SDD để thực hiện dự án.		Bản đồ hiện trạng phường Vàng Danh	Chuyển tiếp
41	Mặt bằng các điểm trồng cây cải tạo cảnh quan môi trường và các công trình phụ trợ phục vụ sản xuất tại khu 9, phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí	SKS	1,790	1,790		1,79	RSX, ODT,CLN, DGT,SON....	Vàng Danh	Quyết định phê duyệt quy hoạch số: 4877/QĐ-UBND ngày 10 tháng 8 năm 2020 của UBND thành phố Uông Bí;Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư số 1796/CTĐT-UBND ngày 29/3/2021 của UBND tỉnh Quảng Ninh, Quyết định 3394/QĐ-UBND ngày 23/06/2023 của UBND TP.Uông Bí điều chỉnh quy hoạch chi tiết 1/500		Bản đồ hiện trạng phường Vàng Danh	Chuyển tiếp
42	Trạm nén khí trung tâm Vàng Danh tại khu 9, phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí	SKS	1,070	1,070	0,18	0,89	ODT,CLN...	Vàng Danh	Quyết định phê duyệt quy hoạch số 5970/QĐ-UBND ngày 23/9/2020 của UBND thành phố Uông Bí phê duyệt mặt bằng quy hoạch chi tiết 1/500		Thửa 16,17,18,19,15...tò 4, thửa 1,2,3,4,5...tò 10 bản đồ địa chính Vàng Danh.	Chuyển tiếp
43	Khu khai thác đất,đá làm vật liệu san lấp thuộc phường Trưng Vương và phường Nam Khê, thành phố Uông Bí	SKS	48,66	48,66		48,66	RSX	Nam Khê, Trưng Vương	Quyết định số 4622/QĐ-UBND ngày 28/06/2022 của UBND TP.Uông Bí về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500; Quyết định số 3200/QĐ-UBND ngày 06/6/2024 của UBND TP.Uông Bí về việcđiều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết, Giấy phép KTKS số 3223/GP-UBND ngày 05/11/2024 của UBND tỉnh Quảng Ninh,Quyết định 2059/QĐ-UBND ngày 15/07/2024 của UBND tỉnh Quảng Ninh điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư.	Nghị quyết 203/NQ-HĐND ngày 19/4/2024 của HĐND tỉnh về việc thông qua danh mục CMD sử dụng rừng.Nghị quyết 245/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của HĐND tỉnh thông qua danh mục các dự án cần CMD sử dụng đất.	Bản đồ hiện trạng Nam Khê và Trưng Vương.	chuyển tiếp
44	Mỏ đất, đá làm vật liệu san lấp mặt bằng tại phường Bắc Sơn và phường Nam Khê, thành phố Uông Bí	SKS	45,20	45,20		45,20	RSX	Bắc Sơn, Nam Khê	Thông báo số 2126/TB-TNMT ngày 27/4/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường Thông báo "về kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản đá làm vật liệu san lấp mặt bằng tại phường Nam Khê, TP Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh"; Quyết định số 1171/QĐ-UBND ngày 09/5/2023 của UBND tỉnh công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản		Bản đồ hiện trạng Nam Khê và Bắc Sơn	chuyển tiếp
45	Mỏ đất, đá làm vật liệu san lấp mặt bằng tại phường Bắc Sơn, thành phố Uông Bí	SKS	25,12	25,12	22,58	2,54	RSX	Bắc Sơn	Quyết định số 3036/QĐ-UBND ngày 14/6/2023 của UBND thành phố Uông Bí phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500; Quyết định số 2068/QĐ-UBND ngày 25/7/2023 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư	Nghị quyết số 228/NQ-HĐND ngày 07/12/2019 của HĐND tỉnh Quảng Ninh về việc chuyển mục đích	Bản đồ hiện trạng phường Bắc Sơn	chuyển tiếp
Đất cơ sở văn hoá												
46	Nhà văn hóa khu 2, phường.Quang Trung	DVH	0,074	0,074		0,074	DYT	Quang Trung	Nghị quyết số 129/NQ-HĐND ngày 21/07/2023 của HĐND thành phố Uông Bí phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án sử dụng vốn ngân sách; Nghị quyết số 194/NQ-HĐND ngày 11/10/2024 của HĐND thành phố về việc phê duyệt điều chỉnh kế hoạch đầu tư năm 2024; Quyết định số 6205/QĐ-UBND ngày 03/11/2023 của UBND thành phố Uông Bí phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500.		Thửa 120,167...tò 21 bản đồ địa chính Quang Trung.	Chuyển tiếp
Đất thương mại, dịch vụ												

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025
CỦA THÀNH PHỐ UÔNG BÍ - TỈNH QUẢNG NINH**

STT	Tên dự án	Mã loại đất	Tổng diện tích thực hiện dự án	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Căn cứ pháp lý	Văn bản chấp thuận	Vị trí trên bản đồ địa chính	Ghi chú
						Tổng diện tích	Trong đó sử dụng vào diện tích từng loại đất					
47	Đất thương mại dịch vụ tại phường Yên Thanh (bên xe Đúc Lợi cũ)	TMD	1,350	1,350		1,35	DGT	Yên Thanh	Quyết định số 4808/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh cụ bộ lô đất HTKT -02-01 thuộc quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 khu đô thị mới trung tâm phía nam thành phố Uông Bí; Đã được UBND tỉnh cho thuê đất tại Quyết định số 5334/QĐ-UBND ngày 23/12/2019 vào mục đích đất giao thông		Thửa 76,105,32,236,238,262,261...tờ 7, thửa 264,672,263...tờ 71 bản đồ địa chính Yên Thanh	Chuyển tiếp
Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp												
48	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Cho các đơn vị trong tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam tại khu Khe Ngát phường Bắc Sơn, thành phố Uông Bí	SKC	23,120	23,120		23,12	BCS	Bắc Sơn	Quyết định số 9845/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND thành phố Uông Bí V/v phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Cho các đơn vị trong tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam tại khu Khe Ngát phường Bắc Sơn, thành phố Uông Bí; QĐ số 9902/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND thành phố Uông Bí V/v phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Cho các đơn vị trong tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam tại khu Khe Ngát phường Bắc Sơn, thành phố Uông Bí;		Thửa số 1 thuộc Các tờ 46,47,55,56,57,63,64,65,75,76 bản đồ địa chính Bắc Sơn	Chuyển tiếp
49	Mở rộng Nhà máy sản xuất, chế biến nhựa thông tại phường Phương Đông thành phố Uông Bí	SKC	5,350	5,350	3,33	2,02	DGT,CLN...	Phương Đông	Quyết định số 3903/QĐ-UBND ngày 27/06/2019 của UBND TP Uông Bí về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500; Quyết định số 4496/QĐ-UBND ngày 08/09/2023 của UBND thành phố Uông Bí điều chỉnh quy hoạch chi tiết 1/500; Quyết định 3952/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh Quảng Ninh chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư.		Thửa 7,8,9,10,12,14,15,31,32,35,38,39...tờ 101, Thửa 7,8,9,17,18,25,26,28,34,35...tờ 102 bản đồ địa chính Phương Đông.	Chuyển tiếp
50	Khu vực nhà máy xi măng Lam Thạch tại phường Phương Nam, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh	SKC	41,730	41,730	31,22	10,51	SKC,CLN,NTS ...	Phương Nam	Quyết định số 1680/QĐ-UBND ngày 30/3/2020 V/v điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực nhà máy xi măng Lam Thạch tại.		Thửa 161,160...tờ 18, thửa 154,157,158...tờ 19, Thửa 6,7,8,9,10,13,14,17,19,23...tờ 94,Thửa 14,15,16...tờ 22, thửa 40,42,43,46,47...tờ 93, Thửa 1 tờ 106, thửa 1,2,3,6,12...tờ 107, Thửa 4 tờ 118 bản đồ địa chính Phương Nam	Chuyển tiếp
Đất nuôi trồng thủy sản												
51	Vùng nuôi trồng thủy sản tập trung tại khu Điện Công 3, phường Trung Vương, thành phố Uông Bí	NTS	29,570	29,570		29,57	LUC, NTS, ONT, CLN, SON...	Trung Vương	Quyết định số 3246/QĐ-UBND ngày 24/9/2021 của UBND tỉnh Quảng Ninh "V/v Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư; Quyết định số 9382/QĐ-UBND ngày 16/11/2021 của UBND thành phố Uông Bí "V/v phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500	Nghị quyết 86/NQ-HĐND ngày 31/03/2022 của HĐND tỉnh về việc chuyển mục đích sử dụng đất	Thửa 141,142,154,174,175,195,196...tờ 14, Thửa 172,173,187,188,186,192...tờ 15, Thửa 41,42,45,46,48,27,28...tờ 20, Thửa 1,2,3,4...tờ 19 bản đồ địa chính Điện Công (nay là Trung Vương)	Chuyển tiếp
Đất nông nghiệp khác												
52	Trang trại chăn nuôi gia cầm của ông Đoàn Văn Chiến tại thôn Tập Đoàn, xã Thượng Yên Công, thành phố Uông Bí	NKH	3,18	3,18		3,18	HNK	Thượng Yên Công	Quyết định số 4084/QĐ-UBND ngày 08/06/2022 của UBND thành phố Uông Bí về việc thu hồi đất, bàn giao đất để hoán đổi vị trí đất thực hiện phương án trang trại chăn nuôi tại xã Thượng Yên Công.	Chuyển tiếp	Thửa 5,6,7,4...tờ 88, thửa 78,79,80,81,22,36,165,167...tờ 89 bản đồ địa chính Thượng Yên Công	Chuyển tiếp
3	Các công trình, dự án để đấu giá quyền sử dụng đất											
53	Khu dân cư đô thị, dịch vụ và thương mại Nam Sông Uông - Khu A	ODT	17,07	17,07		17,07	NTS	Quang Trung, Trung Vương	Quyết định số 3247/QĐ-UBND, ngày 24/9/2021 của UBND tỉnh "V/v phê duyệt điều chỉnh, bổ sung danh mục các dự án nhà ở, khu đô thị triển khai trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021-2025 và năm 2021"; Quyết định số 2508/QĐ-UBND ngày 30/8/2024 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch phát triển nhà ở trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025; Quyết định 6556/QĐ-UBND ngày 16/11/2023 của UBND thành phố Uông Bí phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500		Thửa 11 tờ 4 bản đồ địa chính Điện công (nay là Trung Vương), Thửa 8,9,4,5...tờ 100, thửa1,8...tờ 101 bản đồ địa chính Quang Trung	Chuyển tiếp
54	Quy hoạch xen kẽ tại tổ 30 khu 8 phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	ODT	0,030	0,030		0,03	BCS	Quang Trung	Quyết định số 4761/QĐ-UBND ngày 04/07/2022 của UBND thành phố Uông Bí về việc phê duyệt mặt bằng quy hoạch		Tờ bản đồ số 40 bản đồ địa chính Quang Trung	Chuyển tiếp

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025
CỦA THÀNH PHỐ ỒNG BÍ - TỈNH QUẢNG NINH**

STT	Tên dự án	Mã loại đất	Tổng diện tích thực hiện dự án	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Căn cứ pháp lý	Văn bản chấp thuận	Vị trí trên bản đồ địa chính	Ghi chú
						Tổng diện tích	Trong đó sử dụng vào diện tích từng loại đất					
55	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 nhóm nhà ở tại khu 3 phường Quang Trung - thành phố Ồng Bí	ODT	1,440	1,440	1,28	0,16	BCS	Quang Trung	Quyết định số 2493/QĐ-UBND ngày 26/04/2019 của UBND TP Ồng Bí về việc phê duyệt quy hoạch xây dựng chi tiết tỷ lệ 1/500 nhóm nhà ở tại khu 3 phường Quang Trung	Nghị quyết số 228/NQ-HĐND ngày 07/12/2019 của HĐND tỉnh Quảng Ninh về việc thông qua danh mục thu hồi đất	Thửa 59,75,90...tờ 14, thửa 6,45,67,68...tờ 15 bản đồ địa chính Quang Trung.	Chuyển tiếp
56	Đầu tư hạ tầng cấp đất ở dân cư khu 9 phường Quang Trung	ODT	2,30	2,30	2,04	0,26	CLN, BHK,CSD...	Quang Trung	Nghị quyết số 743/NQ- HĐND TP Ồng Bí ngày 24/7/2019 v.v PD chủ trương đầu tư hạ tầng theo QH chi tiết 1/500 cấp đất dân cư khu 9, P. QT; Quyết định số 8970/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 v.v PD DA XD PT nhà ở đầu tư hạ tầng theo QH chi tiết 1/500 cấp đất dân cư khu 9, P. QT; VB số 8985/UBND-QH ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh v.v nghiên cứu QH chi tiết XD TL1/500 nhóm nhà ở tại khu 9, phường QT, TP UB	Nghị quyết số 333/NQ-HĐND ngày 24/03/2021 củ HĐND tỉnh về việc thông qua danh mục thu hồi đất	Thửa 232,233,234,235,236,237,238,239,240...tờ 44, thửa 6,7,8,9,10,11,64,65,66,67,68,69,83,84,85...tờ 53 bản đồ địa chính Quang Trung	Chuyển tiếp (trong đó dự án có 02 ô đất với diện tích 210,0 m ² để phục vụ mục đích giao đất tái định cư (ô số 4,5)
57	Mặt bằng Quy hoạch cấp đất ở xen cư điểm số 02 tại tổ 16A1, khu 5A, phường Quang Trung, thành phố Ồng Bí	ODT	0,020	0,020		0,02	BCS	Quang Trung	Quyết định số 3733/QĐ-UBND ngày 29/6/2020 của UBND thành phố Ồng Bí về việc phê duyệt Mặt bằng Quy hoạch cấp đất ở xen cư điểm số 02 tại tổ 16A1, khu 5A, phường Quang Trung, thành phố Ồng Bí		Tờ số 1,2. Bản đồ địa chính phường Quang Trung	Chuyển tiếp (không phải GPMB)
58	Khu trung tâm thương mại Cầu Sến	TMD	2,700	2,700		2,70	BCS	Phường Đông	Quyết định số 3107/QĐ-UBND ngày 08/08/2011 của UBND thành phố Ồng Bí phê duyệt mặt bằng quy hoạch chi tiết 1/500; Văn bản số 2653/UBND -XD5 ngày 04/05/2021 của UBND tỉnh về việc chấm dứt hoạt động đầu tư với dự án Khu trung tâm thương mại và dân cư Cầu Sến.		Thửa 66 tờ 85 bản đồ địa chính Yên Thanh	Chuyển tiếp
59	Quy hoạch khu dân cư tự xây thôn Tân Lập xã Phương Đông (nay là khu Tân Lập 1, phường Phương Đông) thành phố Ồng Bí	ODT	0,050	0,050		0,05	BCS	Phường Đông	Quyết định số 570/QĐ-UBND ngày 23/3/2011 của UBND thành phố về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng và dự toán lập quy hoạch; Quyết định số 1849/QĐ-UBND ngày 28/5/2018 của UBND thành phố và Quyết định số 6488/QĐ-UBND ngày 12/10/2018 về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500		Tờ bản đồ số 42,59... bản đồ địa chính Phường Phương Đông	Chuyển tiếp
60	Khu tái định cư phía Tây ngã ba Cầu Sến, phường Phương Đông	ODT	3,840	3,840	3,8	0,04	LUC, ODT...	Phường Đông	Quyết định số 2173/QĐ-UBND ngày 28/08/2012 của UBND tỉnh về phê duyệt Quy hoạchCT; Công văn số 2325/UBND ngày 09/11/2015 của UBND TP.Ồng Bí về đề nghị cho phép chuyển mục đích đất.	Nghị quyết 229/NQ-HĐND ngày 12/12/2015 của HĐND tỉnh Quảng Ninh về việc thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất	Thửa 109,110,111,112,113,116,114,115,117, 118,119,120,121...tờ 79, Thửa 129,130,131,174,175,209,215,217,214,213...tờ 81,Thửa 19,21,22,18,17,15,8,25,26...tờ 84 bản đồ địa chính Phường Đông	Chuyển tiếp
61	Khu thương mại dịch vụ tại ngã 4 giao đường Trần Hưng Đạo kéo dài và Quốc lộ 18A phường Yên Thanh, thành phố Ồng Bí	TMD	0,220	0,220		0,22	BCS	Yên Thanh	Quyết định số 6555/QĐ-UBND ngày 16/11/2023 của UBND thành phố Ồng Bí phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500		Thửa 187,188 tờ 74, thửa 26 tờ 86 bản đồ địa chính Yên Thanh	Chuyển tiếp
62	Mặt bằng quy hoạch cấp đất ở xen cư, đối dư tại khu Lạc Thanh, phường Yên Thanh, thành phố Ồng Bí, tỉnh Quảng Ninh	ODT	0,010	0,010		0,01	BCS	Yên Thanh	Quyết định số 4988/QĐ-UBND ngày 14/7/2022 của UBND thành phố Ồng Bí về việc phê duyệt mặt bằng quy hoạch đất ở xen cư đối dư tại khu Lạc Thanh, phường Yên Thanh, thành phố Ồng Bí		Bản đồ hiện trạng phường Yên Thanh	Chuyển tiếp (không phải GPMB)
63	Quy hoạch cấp đất dân cư tổ 1, khu 1 phường Bắc Sơn	ODT	0,010	0,010		0,01	BCS	Bắc Sơn	Quyết định số 6413/QĐ-UBND ngày 15/11/2023 của UBND thành phố Ồng Bí phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500		Các thửa thuộc tờ bản đồ số 1,3... bản đồ địa chính phường Bắc Sơn	Chuyển tiếp
64	Nhà máy sản xuất công nghiệp phụ trợ Bắc Sơn 1 tại phường Bắc Sơn, thành phố Ồng Bí	SKC	2,420	2,420		2,42	BCS	Bắc Sơn	Quyết định số 6558/QĐ-UBND ngày 16/11/2023 của UBND TP.Ồng Bí phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500		Thửa 1 tờ 55 bản đồ địa chính phường Bắc Sơn.	Chuyển tiếp
65	Nhà máy sản xuất công nghiệp phụ trợ Bắc Sơn 2 tại phường Bắc Sơn, thành phố Ồng Bí	SKC	1,280	1,280		1,28	BCS	Bắc Sơn	Quyết định số 6559/QĐ-UBND ngày 16/11/2023 của UBND TP.Ồng Bí phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500		Thửa 1 thuộc các tờ 46,47 bản đồ địa chính Bắc Sơn	Chuyển tiếp
66	Nhà máy sản xuất công nghiệp phụ trợ Bắc Sơn 3 tại phường Bắc Sơn, thành phố Ồng Bí	SKC	1,200	1,200		1,20	BCS	Bắc Sơn	Quyết định số 6593/QĐ-UBND ngày 17/11/2023 của UBND thành phố Ồng Bí phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500.		Thửa 1 thuộc tờ 46 bản đồ địa chính Bắc Sơn	Chuyển tiếp

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025
CỦA THÀNH PHỐ UÔNG BÍ - TỈNH QUẢNG NINH**

STT	Tên dự án	Mã loại đất	Tổng diện tích thực hiện dự án	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Căn cứ pháp lý	Văn bản chấp thuận	Vị trí trên bản đồ địa chính	Ghi chú
						Tổng diện tích	Trong đó sử dụng vào diện tích từng loại đất					
67	Nhà máy sản xuất, lắp ráp, công nghiệp phụ trợ tại phường Phương Nam, thành phố Uông Bí	SKC	3,680	3,680		3,68	BCS	Phương Nam	Quyết định số 6557/QĐ-UBND ngày 16/11/2023 của UBND thành phố Uông Bí phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500		Thửa 24 tờ 94, Thửa 61,54 tờ 95, thửa 5 tờ 107 bản đồ địa chính Phương Nam	Chuyển tiếp
68	Mặt bằng Quy hoạch cấp đất ở xen cư tại tổ 6, khu 8, phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí	ODT	0,030	0,030		0,03	BCS	Vàng Danh	Quyết định số 9336/QĐ-UBND ngày 12/11/2021 của UBND thành phố Uông Bí phê duyệt mặt bằng quy hoạch		Thửa 27,28,29,30...tờ 51 bản đồ địa chính Vàng Danh	Chuyển tiếp (không phải GPMB)
69	Mặt bằng Quy hoạch cấp đất ở xen cư phía đông cầu Miếu Thán 2 tại tổ 5, khu 7, phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí	ODT	0,040	0,040		0,04	BCS	Vàng Danh	Quyết định số 7199/QĐ-UBND ngày 06/11/2018 của UBND thành phố Uông Bí phê duyệt mặt bằng quy hoạch		Thửa 70,37,75,76,69...tờ 53, thửa 39,40,41,54...tờ 68, bản đồ địa chính Vàng Danh	Chuyển tiếp (không phải GPMB)
70	Quy hoạch cấp đất ở xen cư tại tổ 5, khu 7, phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí	ODT	0,040	0,040		0,04	BCS	Thanh Sơn	Quyết định số 7758 ngày 14/12/2018 của UBND thành phố Uông Bí về việc phê duyệt mặt bằng quy hoạch cấp đất ở xen cư tại tổ 5, khu 7, phường Thanh Sơn		Thửa 29 tờ 71 BĐDC phường Thanh Sơn	Chuyển tiếp (không phải GPMB)
71	Quy hoạch cấp đất xen cư tổ 11, khu 2, phường Trung Vương	ODT	0,020	0,020		0,02	BCS	Trung Vương	Quyết định 2889/QĐ-UBND ngày 07/5/2020 của UBND thành phố Uông Bí "V/v Phê duyệt mặt bằng Quy hoạch cấp đất ở xen cư tại tổ 11, khu 2, phường Trung Vương, thành phố Uông Bí"		Thửa 14 tờ bản đồ 18 bản đồ địa chính phường Trung Vương	Chuyển tiếp (không phải GPMB)
72	Mặt bằng quy hoạch cấp đất ở xen cư tại thôn 2 xã Diên Công, Thành phố Uông Bí (nay là phường Trung Vương, Thành phố Uông Bí)	ODT	0,020	0,020		0,02	BCS	Trung Vương	Quyết định số 3387/QĐ-UBND ngày 08/06/2017 của UBND TP.Uông Bí phê duyệt mặt bằng quy hoạch 1/500		Bản đồ hiện trạng phường Trung Vương	Chuyển tiếp
73	Quy hoạch cấp đất ở dân cư tại khu Diên Công 3 (giai đoạn 1)	ODT	0,710	0,710	0,58	0,13	LUC,LUK,NTS ,CLN...	Trung Vương	Quyết định số 3253/QĐ-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2015 V/v phê duyệt Quy hoạch chi tiết cấp đất dân cư tỷ lệ 1/500 tại thôn 3, xã Diên Công, thành phố Uông Bí	Nghị quyết 26/NQ-HĐND 27/7/2016 của HĐND tỉnh Quảng Ninh về việc thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất	Thửa 25,26,27,247,248...tờ 8, thửa 32,276,277,274,275,244,34...tờ 14 bản đồ địa chính Diên Công (nay là phường Trung Vương)	Chuyển tiếp
4.	Các công trình, dự án để tái định cư, đất sản xuất dự kiến bồi thường cho người có đất thu hồi											
74	Khu tái định cư, dân cư hai bên tuyến đường Trần Hưng Đạo kéo dài tại phường Yên Thanh, thành phố Uông Bí	ODT	7,360	7,360	6,55	0,81	LUC, DSH, NTS, ODT, SON ...	Yên Thanh	Nghị quyết số 516/NQ-HĐND ngày 19/7/2018 của HĐND thành phố Uông Bí phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Quyết định số 6607/QĐ-UBND ngày 23/10/2018 của UBND thành phố Uông Bí phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500	Nghị quyết 192/NQ-HĐND ngày 30/7/2019 của HĐND tỉnh về việc thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất	Thửa 56 tờ 73, Thửa 55,72,179,186,187,188...tờ 74, Thửa 26,41,54,55,56,57,58,8,9,10...tờ 86,Thửa 2,3,4,5,6,7,8,9,10...tờ 87,Thửa 30,36,37,38,39,74,99,52,65...tờ 92,thửa 84,94,110,120,93,89,90,92...tờ 100,thửa 132,152,154,181,185,208...tờ 99.... Bản đồ địa chính Yên Thanh	Chuyển tiếp
75	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư xen kẽ tại tổ 45C, khu 12, phường Quang Trung thành phố Uông Bí	ODT	0,410	0,410	0,17	0,24	BCS	Quang Trung	Quyết định 1514/QĐ-UBND ngày 03/04/2019 của UBND thành phố Uông Bí phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng; Nghị quyết 753/NQ-HĐND ngày 24/07/2019 của HĐND thành phố Uông Bí phê duyệt chủ trương đầu tư; QĐ số 1580/QĐ-UBND ngày 09/04/2019 về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu dân cư xen kẽ tại tổ 45C, khu 12, Phường Quang Trung - TP Uông Bí	Nghị quyết số 228/NQ-HĐND ngày 07/12/2019 của HĐND tỉnh Quảng Ninh về việc thông qua danh mục thu hồi đất	Thửa 1,2,3,18,19,28 tờ 55, thửa 8,9,46,47,45,48,43,42,44 tờ số 56 Bản đồ địa chính Quang Trung.	Chuyển tiếp
76	Khu dân cư, tái định cư khu Bí Thương, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí	ODT	0,47	0,47	0,40	0,07	LUC,CLN,BHK ...	Phương Đông	Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 21/10/2021 của HĐND thành phố Uông Bí; Quyết định số 8874/QĐ-UBND ngày 14/10/2021 của UBND thành phố Uông Bí v/v phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500	Nghị quyết số 60/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh ;Nghị quyết 86/NQ-HĐND ngày 31/03/2022 của HĐND tỉnh ; NQ số 106/NQ-HĐND ngày 09/07/2022 điều chỉnh diện tích dự án, diện tích chuyển mục đích sử dụng đất; Nghị quyết 186/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Quảng Ninh về điều chỉnh diện tích dự án	Thửa 66,86,87,89,85,63...tờ 50 bản đồ địa chính Phương Đông.	chuyển tiếp

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025
CỦA THÀNH PHỐ UÔNG BÍ - TỈNH QUẢNG NINH**

STT	Tên dự án	Mã loại đất	Tổng diện tích thực hiện dự án	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Căn cứ pháp lý	Văn bản chấp thuận	Vị trí trên bản đồ địa chính	Ghi chú
						Tổng diện tích	Trong đó sử dụng vào diện tích từng loại đất					
77	Hạ tầng theo quy hoạch chi tiết 1/500 Nhà Văn Hóa, trường mầm non và Khu xen cư tại Khu dân cư Tân Lập 1, phường Phương Đông	DVH, DGD,ODT	2,16	2,16	1,97	0,19	LUC,BHK...	Phương Đông	Quyết định số 570/QĐ-UBND, ngày 23/3/2011 của UBND thành phố Uông Bí về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng và dự toán lập quy hoạch ; Quyết định số 1849/QĐ-UBND ngày 28/05/2018 của UBND thành phố Uông Bí; QĐ số 6488/QĐ-UBND ngày 12/10/2018 của UBND TP. Uông Bí V/v phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500;	Nghị quyết số 333/NQ-HĐND ngày 24/03/2021 của HĐND tỉnh thông qua danh mục chuyển mục đích sử dụng đất	Thửa 238,239,240,244,246,319,320...tò 42, Thửa 13,14,15,25,26,27,51,52,30,49,78...tò 59 bản đồ địa chính Phương Đông.	Chuyển tiếp
78	Xây dựng khu Tái định cư phục vụ GPMB thực hiện dự án đường ven sông kết nối từ đường cao tốc Hà Long - Hải Phòng đến thị xã Đông Triều, đoạn từ đường tỉnh 338 đến thị xã Đông Triều (giai đoạn 1).	ODT	1,96	1,96	1,46	0,50	UC,CLN,BHK...	Phương Đông	Quyết định số 8685/QĐ-UBND ngày 06/10/2021 của thành phố Uông Bí về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 dự án Xây dựng khu Tái định cư phục vụ GPMB thực hiện dự án đường ven sông kết nối từ đường cao tốc Hà Long – Hải Phòng đến thị xã Đông Triều, đoạn từ đường tỉnh 338 đến thị xã Đông Triều (giai đoạn 1); Công văn số: 6734/UBND-GT1 ngày 24/9/2021 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc UBND thành phố Uông Bí xây dựng khu tái định cư phục vụ GPMB thực hiện dự án đường ven sông kết nối từ đường cao tốc Hà Long – Hải Phòng đến thị xã Đông Triều, đoạn từ đường tỉnh 338 đến thị xã Đông Triều (giai đoạn 1)	Nghị quyết số 60/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh thông qua danh mục thu hồi đất ;Nghị quyết 86/NQ-HĐND ngày 31/03/2022 của HĐND tỉnh thông qua danh mục dự án chuyển mục đích sử dụng đất; Nghị quyết 186/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Quảng Ninh về điều chỉnh diện tích dự án	Thửa 89,112,110,134,163,162,186,187,184,199,200 ...tò 62 bản đồ địa chính Phương Đông.	chuyển tiếp
79	Điều chỉnh Mặt bằng sử dụng đất Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu dân cư và tái định cư tổ 20A, khu 8 phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí	ODT	0,110	0,110		0,11	BCS	Vàng Danh	Quyết định số 3721/QĐ-UBND ngày 27/5/2022 của UBND thành phố Uông Bí V/v phê duyệt Điều chỉnh Mặt bằng sử dụng đất Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu dân cư và tái định cư tổ 20A, khu 8 phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí		Thửa 63 tò 42,52 bản đồ địa chính phường Vàng Danh	Chuyển tiếp (không phải GPMB)
5.	Công trình, dự án phục vụ công tác giao đất, cấp GCNQSDĐ											
80	Khu dân cư đô thị khu 5B	ODT	2,940	2,940		2,94	BCS	Quang Trung	Quyết định số 5554/QĐ-UBND ngày 22/09/2016 của UBND thành phố Uông Bí về phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500	Nghị quyết 44/NQ-HĐND 7/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua danh mục các dự án cần thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất.	Thửa 17,28,111... tò 4, thửa 12,13 tò 7, thửa 10,13,14,15,33,34,35,36,74,75,76,77...tò 91 bản đồ địa chính Quang Trung	Chuyển tiếp
81	Trường trung học cơ sở chất lượng cao và khu dân cư đô thị tại khu 5A,phường Quang Trung	ODT	9,730	9,730		9,73	BCS	Quang Trung	Quyết định số 5556/QĐ-UBND, ngày 22/9/2016 của UBND thành phố Uông Bí về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 công trình	Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 07/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua danh mục các dự án cần thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất.	Thửa 12,35,36,37,61,62,63...tò 2, Thửa 2,3,5,7,8,22,23,18,28...tò 3, thửa 12,13,18,19,20,47,48,52,53...tò 5, thửa 18,19,20,27,28,29...tò số 6,thửa 76,97,98,92,57,85...tò 88, thửa 64,76,91 tò số 89 bản đồ địa chính Quang Trung.	Chuyển tiếp
82	Đầu tư xây dựng - kinh doanh hạ tầng khu dân cư đô thị tại phường Trưng Vương, thành phố Uông Bí.	ODT	22,990	0,770	22,22	0,77	BCS	Trưng Vương	Quyết định số 1062/QĐ-UBND ngày 8/4/2011 của UBND tỉnh Quảng Ninh "Vv giao đất(giai đoạn 1);Quyết định số 229/QĐ-UBND ngày 23/1/2013 của UBND tỉnh Quảng Ninh " Vv giao đất (giai đoạn 2); Quyết định số 4673 QĐ-UBND ngày 15/8/2018 Điều chỉnh lần 2 Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500; Quyết định số 2589/QĐ- UBND ngày 6/8/2021 của UBND tỉnh Quảng Ninh "Vv chấp thuận chủ trương đầu tư dự án		Thửa số 244,409,410,422,424,490,495,497 tò bản đồ 29,30 bản đồ địa chính Trưng Vương....	Chuyển tiếp (giao đất)
83	Trụ sở làm việc đội quản lý thị trường số 6 thuộc Chi cục quản lý thị trường-Sở Công Thương tại phường Phương Nam, thành phố Uông Bí	TSC	0,51	0,51	0,51		TSC	Phương Nam	Quyết định số 7369/QĐ-UBND ngày 19/11/2015 của UBND thành phố Uông Bí Phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500; Quyết định số 3980/QĐ-UBND ngày 15/12/2015 của UBND tỉnh Quảng Ninh phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình		Thửa 7,8,9,56 tò 11, Thửa 135,136,161,160,157,158,159 tò 64 bản đồ địa chính Phương Nam	Chuyển tiếp
84	Mặt bằng cấp đất ở nhỏ lẻ xen cư trên địa bàn phường Thanh Sơn (Cấp đất ở xen cư tổ 5 khu 4,điểm số 1)	ODT	0,015	0,015		0,015	BCS	Thanh Sơn	Quyết định số 3281a/QĐ-UBND ngày 29/05/2015 của UBND thành phố Uông Bí về việc phê duyệt các Mặt bằng cấp đất ở nhỏ lẻ xen cư trên địa bàn phường Thanh Sơn		Các thửa thuộc tờ bản đồ số 85,86.. Bản đồ địa chính phường Thanh Sơn	Chuyển tiếp
85	Mặt bằng cấp đất ở nhỏ lẻ xen cư trên địa bàn phường Thanh Sơn (Cấp đất ở xen cư tổ 5 khu 4,điểm số 2)	ODT	0,010	0,010		0,01	BCS	Thanh Sơn	Quyết định số 3281a/QĐ-UBND ngày 29/05/2015 của UBND thành phố Uông Bí về việc phê duyệt các Mặt bằng cấp đất ở nhỏ lẻ xen cư trên địa bàn phường Thanh Sơn		Các thửa thuộc tờ bản đồ số 85,86.. Bản đồ địa chính phường Thanh Sơn	Chuyển tiếp
86	Mặt bằng cấp đất ở nhỏ lẻ xen cư trên địa bàn phường Thanh Sơn (Cấp đất ở xen cư tổ 5 khu 4,điểm số 3)	ODT	0,025	0,025		0,03	BCS	Thanh Sơn	Quyết định số 3281a/QĐ-UBND ngày 29/05/2015 của UBND thành phố Uông Bí về việc phê duyệt các Mặt bằng cấp đất ở nhỏ lẻ xen cư trên địa bàn phường Thanh Sơn		Các thửa thuộc tờ bản đồ số 85,86.. Bản đồ địa chính phường Thanh Sơn	Chuyển tiếp

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025
CỦA THÀNH PHỐ UÔNG BÍ - TỈNH QUẢNG NINH**

STT	Tên dự án	Mã loại đất	Tổng diện tích thực hiện dự án	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Căn cứ pháp lý	Văn bản chấp thuận	Vị trí trên bản đồ địa chính	Ghi chú
						Tổng diện tích	Trong đó sử dụng vào diện tích từng loại đất					
91	Nhà Văn hoá khu 6, phường Quang Trung thành phố Uông Bí	DVH	0,077	0,077		0,077	DNL	Quang Trung	Nghị quyết số 143/NQ-HĐND ngày 19/7/2024 của HĐND thành phố Uông Bí về việc phê duyệt chủ trương đầu tư; Quyết định 4609/QĐ-UBND ngày 12/9/2024 của UBND thành phố Uông Bí phê duyệt quy hoạch tổng mặt bằng chi tiết 1/500		Thửa 138 tờ 34 bản đồ địa chính Quang Trung	Đăng ký mới
3	Các công trình, dự án do Nhân dân tự nguyện trả lại đất											
92	Đường liên khu 3-4-5A, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	DGT	0,93	0,33	0,60	0,33	CLN,DGT,DTL ...	Quang Trung	Nghị quyết 244/NQ-HĐND ngày 14/11/2024 của HĐND thành phố Uông Bí phê duyệt chủ trương đầu tư một số công trình trên địa bàn thành phố Uông Bí		Thửa 60,62,73,71...tờ 6, thửa 40,86,87,88,106,108...tờ 8, Thửa 4,10,11,3,7...tờ 9, thửa 11,12,23,25,26,7,1,8...tờ 14, thửa 6,20,21,23,110,61,63...tờ 15 bản đồ địa chính phường Quang Trung	Đăng ký mới
4	Các công trình, dự án phục vụ công tác giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất											
93	Khu đô thị Việt Long (Đầu tư xây dựng - kinh doanh hạ tầng khu đô thị mới phường Yên Thanh)	ODT	17,26	0,24	17,02	0,24	BCS	Yên Thanh	Quyết định số 1476/QĐ-UBND ngày 13/5/2009 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/1000 Khu đô thị mới Trung tâm phường Yên Thanh, thành phố Uông Bí; Quyết định số 1847/QĐ-UBND ngày 28/5/2018 của UBND Tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu đô thị mới trung tâm phường Yên Thanh, thành phố Uông Bí		Các thửa thuộc các tờ 73,84,85,91...bản đồ địa chính phường Yên Thanh	Đăng ký mới
94	Khu bến, bãi chứa và sản xuất vật liệu xây dựng (trừ than) tại khu Đả Bắc, phường Phương Nam, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.	SKC,DGT, SON,NCS	6,40	2,24	1,21	2,24	NTS, SON,CSD...	Phương Nam	Quyết định số 2396/QĐ-UBND ngày 29/4/2016 về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 và được điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng tại Quyết định số 6167/QĐ-UBND ngày 26/7/2019; Ngày 03/8/2021, Quyết định số 2522/QĐ-UBND ngày 03/8/2021 về việc điều chỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư (lần 2)		Thửa 17,21,24,26...tờ 113, thửa 28...tờ 114 bản đồ địa chính Phương Nam....	Đăng ký mới
95	Khu thể thao tại phường Yên thanh, TP.Uông Bí	DTT	1,26	1,26		0,00	BCS	Yên Thanh	Quyết định số 6600/QĐ-UBND ngày 17/10/2018 của UBND TP.Uông Bí về việc phê duyệt Điều chỉnh (lần 3) Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu đô thị và thương mại Cầu Sến tại phường Phương Đông và phường Yên Thanh, TP.Uông Bí; Quyết định số 9336/QĐ 22/11/2019 của UBND TP. Uông Bí V/v/ định chỉnh cơ cấu SĐĐ của Quy hoạch CT khu ĐTTM Cầu Sến phường Phương Đông và Yên Thanh; Quyết định số 1236/QĐ-UBND ngày 22/3/2019 của UBND tỉnh Quảng Ninh v/v phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án Khu thể thao tại phường Yên thanh, TP.Uông Bí		Thửa 5,11 tờ 65, thửa 14,31 tờ 66...bản đồ địa chính Yên Thanh	Đăng ký mới
96	Trụ sở làm việc và tiếp công nhân lao động kết hợp trung tâm tư vấn pháp luật quỹ hỗ trợ vốn công nhân lao động nghèo khu vực miền tây tỉnh Quảng Ninh	TSC	0,24	0,24	0,24		TSC	Yên Thanh	Quyết định số 7726/QĐ-UBND ngày 18/11/2020 của UBND thành phố Uông Bí phê duyệt tổng mặt bằng sử dụng đất		Thửa 310,311,330,331 tờ 70, thửa 332,361,386,362 tờ 82 bản đồ địa chính Yên Thanh.	Mới

CÂN ĐỐI THU CHI LIÊN QUAN ĐẾN ĐẤT ĐAI

Hạng mục	Diện tích (m²)	Đơn giá (Triệu đồng/m²)	Thành Tiền (triệu đồng)
I. Các khoản thu			1.037.100
Thu tiền khi giao đất ở đô thị	333.000	3,00	999.000
Thu tiền khi giao đất ở nông thôn	10.000	1,81	18.100
Thu tiền khi cho thuê đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp	0	0,70	0
Thu tiền khi cho thuê đất thương mại, dịch vụ	0	2,10	0
Dự kiến kinh phí cải tạo, khai hoang, phục hóa bù bổ sung diện tích đất bị mất khi thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất			20.000
II. Các khoản chi			0
Kinh phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu vực thu hồi đất và trả tiền đền bù khi thu hồi đất dự kiến khoảng 60% nguồn thu			622.260
Cân đối thu - chi (I-II)			
(Số kinh phí thu được từ đất còn lại sẽ đầu tư phát triển kinh tế xã hội và tăng cường công tác quản lý Nhà nước về đất đai)			414.840

Bốn trăm mười bốn tỷ tám trăm bốn mươi triệu đồng